ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CHI TRẢ NGƯỜI CÓ CÔNG XÃ CHÍ MINH THÁNG 10 NĂM 2026

TT	Họ và tên người nhận	Số sổ trợ cấp	Tài khoản ngân hàng		và trợ cấp khác (Trợ cấp ưu đãi NCC	Người có công	Đối tượng
			Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng			
1	Nguyễn Thị Hoa	33616	46010002801868	BIDV	2,589,000	Phạm Thế Hãn	TB suy giảm KNLĐ từ 29
2	Phạm Thị Hoa	16868	46810001913854	BIDV	8,639,000	Phạm Xuân Hồng	TB suy giảm KNLĐ từ 81%
3	Nguyễn Thị Bừng	7464	46010003880170	BIDV	2,789,000	Nguyễn Thị Mỉm	Tuất 1 liệt sỹ
4	Phạm Như Quân	33938	46010003858885	BIDV	1,565,000	Phạm Thị Dõi	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
5	Phạm Văn Dương	40446	4681725059	BIDV	1,565,000	Hà Thị Lảng	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
6	Phạm Thị Hoa	NPV TB	46810001913854	BIDV	2,789,000	Nguyễn Thị Chừng	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình
7	Phạm Thị Hoa	36875	46810001913854	BIDV	1,673,000	Phạm Xuân Hồng	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
8	Nguyễn Văn Kiên	7506	065267580001	LPBank	2,789,000	Nguyễn Văn Nhẽ	Tuất 1 liệt sỹ
9	Nguyễn Văn Kiên	7458	065267580001	LPBank	2,789,000	Phạm Thị Don	Tuất 1 liệt sỹ
10	Vũ Văn Giang	26499	0988034119	MB	3,667,000	Vũ Văn Vương	TB suy giảm KNLĐ từ 21%
11	Vũ Thị Duyền	7462	8862805651	BIDV	2,789,000	Vũ Thị Quýt	Tuất 1 liệt sỹ
12	Phạm Tú Phương	7505	9704229223594743	MB	2,789,000	Phạm Thị Thì	Tuất 1 liệt sỹ
13	Vũ Thị Hậu	19991	0338794304	MB	4,561,000	Nguyễn Minh Hải	TB suy giảm KNLĐ từ 51%
14	Trịnh Vũ Hải	25651	0968589512	MB	6,708,000	Nguyễn Văn Tiến	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
15	Phạm Văn Đồi	31228	0347857284	MB	4,622,000	Phạm Văn Đồi	BB suy giảm KNLĐ từ 61%

16	Phạm Thị Mai Dung	29287	0375381650	MB	4,622,000	Nguyễn Thị Quyên	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
17	Nguyễn Thu Thủy	7500	6610110101996	MB	2,789,000	Đặng Thị Tuyến	Tuất 1 liệt sỹ
18	Phạm Thị Ngà	7457	9704229232823950	MB	2,789,000	Phạm Thị Khá	Tuất 1 liệt sỹ
19	Phan Thị Thanh Thuỷ	49433	9704229236405739	MB	1,565,000	Hà Thị Phương	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
20	Nguyễn Văn Khánh	32402	197989699999	MB	4,622,000	Nguyễn Văn Tháu	BB suy giảm KNLĐ 61%
21	Phạm Xuân Nhuận	19699	20001014942456	MSB	2,236,000	Phạm Xuân Gọi	TB suy giảm KNLĐ từ 25%
22	Nguyễn Thị Hà	32304	20001014938468	MSB	4,622,000	Nguyễn Văn Phinh	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
23	Đỗ Văn Xuân	7483	20001014742357	MSB	2,789,000	Phạm Thị Dẻo	Tuất 1 liệt sỹ
24	Đặng Thị Quyên	7503	1000000500041521	Chính sách xã hội	5,020,000	Phạm Thị Mỹ	Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND
25	Phạm Văn Thuận	46395	19034641958010	Techcombank	1,565,000	Nguyễn Thị Hồng	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
26	Phạm Thị Óng	7465	00005143093	TPBank	2,789,000	Phạm Thị Xung	Tuất 1 liệt sỹ
27	Phạm Xuân Khương	2437	039502031	VIB	1,673,000	Phạm Xuân Khương	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
28	Phạm Xuân Trường	35185	0031000819791	Vietcombank	2,236,000	Phạm Xuân Chiến	TB suy giảm KNLĐ từ 25%
29	Phạm Tuấn Oanh	23022	1020376575	Vietcombank	2,770,000	Phạm Tuấn Oanh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
30	Phạm Hữu Liễn	21715	1056090153	Vietcombank	2,411,000	Phạm Ngọc Liễn	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
31	Nguyễn Thị Chuyên	19193	0341005995370	Vietcombank	2,053,000	Nguyễn Văn Chuyền	TB suy giảm KNLĐ từ 23%
32	Phạm Thanh Chì	18800	2312231063820	Agribank	2,053,000	Phạm Thanh Chì	TB suy giảm KNLĐ từ 23%
33	Nguyễn Văn Minh	18153	1021027968	Vietcombank	2,770,000	Nguyễn Văn Bãnh	TB suy giảm KNLĐ từ 31%
34	Phạm Thị Thòa	31714	0341007000607	Vietcombank	4,622,000	Phạm Văn Thảo	BB suy giảm KNLĐ 61%
35	Phạm Thị Thu	29951	9329093774	Vietcombank	4,622,000	Phạm Như Bột	BB suy giảm KNLĐ 61%
36	Phạm Văn Thau	29029	0341001712507	Vietcombank	4,622,000	Phạm Văn Thau	BB suy giảm KNLĐ 70%

37	Phan Thị Oanh	31834	1014042026	Vietcombank	4,622,000	Phan Thanh Tùng	BB suy giảm KNLĐ 61%
38	Phạm Xuân Nguyên	14534	1028601253	Vietcombank	1,552,000	Phạm Xuân Cừ	TB B suy giảm KNLĐ 21%
39	Phạm Thị Khuyên	7473	2312205282206	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Nói	Tuất 1 liệt sỹ
40	Phạm Xuân Luýt	7469	9912569631	Vietcombank	2,789,000	Nguyễn Thị Mạ	Tuất 1 liệt sỹ
41	Phạm Thị Ánh	7477	0341006968652	Vietcombank	2,789,000	Phạm Thị Thì	Tuất 1 liệt sỹ
42	Phạm Thị Ánh	7470	0341006968652	Vietcombank	2,789,000	Phạm Thị Nữa	Tuất 1 liệt sỹ
43	Nguyễn Thị Huế	40436	1021420509	Vietcombank	1,565,000	Nguyễn Thị Dịu	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
44	Phạm Tuấn Oanh	50773	1020376575	Vietcombank	2,120,000	Phạm Tuấn Oanh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 31%
45	Phạm Hữu Liễn	49909	1056090153	Vietcombank	2,120,000	Phạm Hữu Liễn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 35%
46	Trương Văn Nến	42174	2312231134262	Agribank	3,542,000	Trương Văn Nến	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
47	Nguyễn Văn Minh	32961	1021027968	Vietcombank	3,542,000	Nguyễn Văn Bảnh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
48	Nguyễn Văn Chiến	2436	8863077829	BIDV	1,673,000	Nguyễn Văn Chiến	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
49	Trần Thị Mý	36876	4603605294	BIDV	1,673,000	Trần Công Hoan	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
50	Nguyễn Thị Hồng	35698	1027673370	Vietcombank	2,838,000	Nguyễn Hồng Hiểu	Quân nhân xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT
51	Phạm Văn Thạnh	52237	102881064604	Vietinbank	1,969,000	Phạm Văn Thạnh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
52	Phạm Quang Mát	42633	0975566746	Vietinbank	1,878,000	Phạm Quang Mát	TB suy giảm KNLĐ từ 21%
53	Phạm Đình Phúc	40759	108874115471	Vietinbank	1,878,000	Phạm Vũ Tiến	TB suy giảm KNLĐ 21%
54	Phạm Văn Hưng	19841	103002823575	Vietinbank	1,878,000	Phạm Văn Hằng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
55	Phan Trọng Tú	17550	1054491327	Vietcombank	1,878,000	Phan Trọng Đỗ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
56	Nguyễn Quang Trung	708	107868169893	Vietinbank	2,911,000	Nguyễn Ngọc Chữ	BB suy giảm KNLĐ từ 41%
57	Phạm Thị Thu Hiền	707	104879834624	Vietinbank	2,911,000	Phạm Xuân Tèn	BB suy giảm KNLĐ từ 41%

58	Phạm Thị Hường	29857	109003101880	Vietinbank	4,622,000	Đỗ Xuân Lánh	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
59	Phạm Đình Phúc	27315	108874115471	Vietinbank	5,329,000	Phạm Vũ Tiến	BB suy giảm KNLĐ từ 75%
60	Phạm Thị Chuyên	35781	101001655406	Vietinbank	1,565,000	Đặng Thị Chuân	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
61	Phạm Văn Rồng	7492	239987001	VPBank	5,020,000	Nguyễn Thị Loan	Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND
62	Phạm Văn Chuộng	52609	2312231096871	Agribank	4,024,000	Phạm Văn Chuộng	TB suy giảm KNLĐ từ 61%
63	Phạm Xuân Choang	52608	2312231043114	Agribank	2,770,000	Phạm Xuân Choang	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
64	Trần Mạnh Phi	23205	2312231063866	Agribank	2,770,000	Trần Mạnh Phi	TB suy giảm KNLĐ từ 31%
65	Trương Bá Sững	52153	2312231042872	Agribank	1,878,000	Trương Bá Sững	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
66	Phạm Văn Tổng	36108	2312231043012	Agribank	2,236,000	Phạm Văn Tổng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
67	Phạm Thanh Xuấn	26933	2312231043143	Agribank	4,024,000	Phạm Thanh Xuấn	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
68	Đặng Văn Vinh	26613	2312231062262	Agribank	2,589,000	Đặng Văn Vinh	TB suy giảm KNLĐ 21%
69	Nguyễn Văn Tung	26267	2312231043137	Agribank	2,236,000	Nguyễn Văn Tung	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
70	Phạm Quang Tự	26173	2312231017505	Agribank	3,132,000	Phạm Quang Tự	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
71	Nguyễn Thị Liễu	26012	2312231000712	Agribank	2,411,000	Phạm Xuân Trường	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
72	Phạm Hữu Tứ	25742	2312231017150	Agribank	2,053,000	Phạm Hữu Tứ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
73	Phạm Thị Hường	25587	0363275536	MB	1,878,000	Phạm Thanh Tùng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
74	Phạm Xuân Thưởng	25031	2312231062285	Agribank	2,236,000	Phạm Xuân Thưởng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
75	Trương Khắc Sợi	23911	2312231017216	Agribank	3,753,000	Trương Khắc Sợi	TB suy giảm KNLĐ 42%
76	Trương Văn Duẩn	23658	2312205234617	Agribank	1,878,000	Trương Văn Rẩn	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
77	Phạm Văn Rõ	23652	2312231043461	Agribank	1,969,000	Phạm Văn Rõ	TB suy giảm KNLĐ từ 22%
78	Vũ Văn Cường	23640	2312205386073	Agribank	2,770,000	Vũ Văn Quyết	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%

79	Nguyễn Văn Nẹt	22986	2312231043353	Agribank	1,969,000	Nguyễn Văn Nẹt	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
80	Phạm Xuân Mềm	22257	2312231043399	Agribank	2,770,000	Phạm Xuân Mềm	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
81	Phạm Xuân Mẫn	22109	2312231017449	Agribank	1,878,000	Phạm Xuân Mẫn	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
82	Phạm Xuân Mộc	22090	2312231017245	Agribank	1,878,000	Phạm Xuân Mộc	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
83	Phạm Văn Luân	21901	2312249001158	Agribank	1,969,000	Phạm Văn Luân	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
84	Phạm Ngọc Lượng	21693	2312231042900	Agribank	1,878,000	Phạm Ngọc Lượng	TB suy giảm KNLĐ từ 21%
85	Phạm Văn Hánh	19831	2312205141929	Agribank	1,878,000	Phạm Văn Hánh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
86	Vũ Công Chúc	19063	2312231013092	Agribank	2,770,000	Vũ Công Chúc	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
87	Nguyễn Văn Ca	18634	2312231097040	Agribank	2,236,000	Nguyễn Văn Ca	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
88	Nguyễn Văn Bạc	18168	2312205362994	Agribank	1,969,000	Nguyễn Văn Bạc	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
89	Vũ Mạnh Điền	17667	2312231043869	Agribank	2,236,000	Vũ Mạnh Điền	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
90	Phạm Văn Điền	17665	2312205330250	Agribank	2,053,000	Phạm Văn Điền	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
91	Phạm Xuân Kiềm	21251	2312231043245	Agribank	3,667,000	Phạm Xuân Kiểm	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
92	Phạm Văn Sình	23724	2312168555168	Agribank	6,081,000	Phạm Văn Sình	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
93	Phạm Văn Phận	23186	2312231043823	Agribank	5,450,000	Phạm Văn Phận	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
94	Vũ Đình Lập	21605	2312231043251	Agribank	5,450,000	Vũ Đình Lập	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
95	Nguyễn Văn Trung	19152	2312231043087	Agribank	5,450,000	Nguyễn Văn Chung	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
96	Phạm Văn Sáng	16999	2312231017137	Agribank	8,639,000	Phạm Văn Sáng	TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên
97	Nguyễn Thị Chiêm	16877	2312231017534	Agribank	8,731,000	Nguyễn Văn Hoàng	TB suy giảm KNLĐ từ 82%
98	Phạm Văn Bạo	16676	2312231043881	Agribank	11,001,000	Phạm Văn Bạo	TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên có VT ĐB nặng
99	Phạm Xuân Cước	709	2312231103390	Agribank	3,627,000	Phạm Văn Cước	BB suy giảm KNLĐ 51%

100	Phạm Văn Mức	35998	2312205034810	Agribank	4,622,000	Phạm Văn Mức	BB suy giảm KNLĐ 61%
101	Phạm Văn Phong	32422	2312231004765	Agribank	4,622,000	Phạm Văn Phong	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
102	Vũ Xuân Trân	32062	2312231043800	Agribank	4,622,000	Vũ Xuân Trân	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
103	Vũ Mạnh Điền	31917	2312231043869	Agribank	4,622,000	Vũ Mạnh Điền	BB suy giảm KNLĐ 61%
104	Phạm Văn Trự	31916	2312231043324	Agribank	4,622,000	Phạm Văn Trự	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
105	Phạm Văn Huỳnh	31662	2312231043505	Agribank	4,622,000	Phạm Văn Huỳnh	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
106	Phạm Văn Lưởng	31576	2312205371690	Agribank	4,622,000	Phạm Văn Lưởng	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
107	Phạm Văn Chuộng	30364	2312231096871	Agribank	4,622,000	Phạm Văn Chuộng	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
108	Ngô Văn Nỉn	30242	2312205341749	Agribank	4,622,000	Ngô Văn Nỉn	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
109	Phạm Xuân Choang	30028	2312231043114	Agribank	4,622,000	Phạm Xuân Choang	BB suy giảm KNLĐ 61%
110	Nguyễn Văn Chủ	29509	2312231043607	Agribank	4,622,000	Nguyễn Văn Chủ	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
111	Nguyễn Thị Liễu	29036	2312231000712	Agribank	4,622,000	Nguyễn Thị Liễu	BB suy giảm KNLĐ 62%
112	Phan Thành Kính	30756	2312231115461	Agribank	4,622,000	Phan Văn Kính	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
113	Vũ Đức Nhọ	29030	2312205353210	Agribank	4,622,000	Vũ Văn Nhọ	BB suy giảm KNLĐ từ 63%
114	Phạm Văn Phát	30288	2312205212739	Agribank	4,622,000	Hoàng Quang Phát	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
115	Phạm Huy Hiện	27524	2312205375235	Agribank	5,329,000	Phạm Huy Hiện	BB suy giảm KNLĐ từ 71%
116	Phạm Văn Mộc	27325	2312231043064	Agribank	5,329,000	Phạm Văn Mộc	BB suy giảm KNLĐ từ 73%
117	Vũ Huy Đạo	52157	2312231043744	Agribank	2,789,000	Vũ Huy Đạo	Tuất 1 liệt sỹ
118	Hoàng Thị Xuyền	7509	2312231043830	Agribank	2,789,000	Hoàng Thị Xuyền	Tuất 1 liệt sỹ
119	Nguyễn Thị Liễu	7507	2312231000712	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Bé	Tuất 1 liệt sỹ
120	Phạm Thị Dung	7491	2312231006045	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Xây	Tuất 1 liệt sỹ

121	Phạm Thị Hơn	7476	2312231043410	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Hơn	Tuất 1 liệt sỹ
122	Phạm Xuân Quả	7468	2312205303421	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Thoa	Tuất 1 liệt sỹ
123	Phạm Thị Mến	7459	2312231062437	Agribank	2,789,000	Trương Thị Vớ	Tuất 1 liệt sỹ
124	Phạm Xuân Mến	7451	2312205203528	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Hồi	Tuất 1 liệt sỹ
125	Phạm Văn Thủy	7486	2312231098224	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Ngọt	Tuất 1 liệt sỹ
126	Phạm Trung Thành	7496	2312215003705	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Chuyền	Tuất 1 liệt sỹ
127	Phạm Thị Bầm	7487	2312231063968	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Bầm	Tuất 1 liệt sỹ
128	Phan Thị Ha	7481	2312231098247	Agribank	2,789,000	Phan Thị Ha	Tuất 1 liệt sỹ
129	Nguyễn Thị Sáu	41012	2312205192125	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Tèo	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
130	Trần Thị Công	53899	2312205244242	Agribank	1,565,000	Trần Thị Công	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
131	Phạm Thị Nhiễn	49831	2312231042837	Agribank	1,565,000	Bùi Văn Dũng	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
132	Phạm Thị Nhiễn	46250	2312231042837	Agribank	1,565,000	Phạm Thị Nhiễn	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
133	Đỗ Thị Đưng	25368	2312231043852	Agribank	1,565,000	Phạm Thị Nhớn	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
134	Phạm Thị Xòe	41540	2312231062601	Agribank	1,565,000	Phạm Thị Xòe	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
135	Phạm Thị Thu	40943	2312205232091	Agribank	1,565,000	Phạm Thị Liển	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
136	Phạm Hoàng Tấn	40415	2312205065842	Agribank	1,565,000	Phạm Thị Hoàn	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
137	Phạm Đức Sơn	15480	2312231017478	Agribank	1,565,000	Bùi Thị Khoản	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
138	Phạm Văn Tuấn	53501	2312205215425	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Hảo	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
139	Phạm Thị Dung	53446	2312205244220	Agribank	1,565,000	Phạm Thị Dung	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
140	Phạm Văn Sáng	NPVTB	2312231017137	Agribank	2,789,000	Phạm Văn Sáng	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình
141	Nguyễn Thị Chiêm	NPV TB	2312231017534	Agribank	2,789,000	Nguyễn Văn Hoàng	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình

142	Phạm Văn Bạo	NPV TB	2312231043881	Agribank	3,582,000	Phạm Thị Lảnh	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên có VT ĐB nặng ở gia đình
143	Phạm Thị Luyện	V BM VN	2312205177695	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Tẹo	Người phục vụ Bà mẹ VNAH
144	Phạm Thị Luyện	7475	2312205177695	Agribank	10,704,000	Phạm Thị Tẹo	Bà mẹ Việt nam anh hùng (02 liệt sỹ)
145	Phạm Xuân Mềm	52815	2312231043399	Agribank	2,120,000	Phạm Xuân Mềm	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 31%
146	Phạm Văn Mỏng	52414	2312231043382	Agribank	2,120,000	Phạm Văn Mỏng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
147	Vũ Công Chúc	50597	2312231013092	Agribank	2,120,000	Vũ Công Chúc	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 31%
148	Vũ Đình Cọ	49908	2312231013238	Agribank	2,120,000	Vũ Đình Cọ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
149	Nguyễn Thị Liễu	49907	2312231000712	Agribank	2,120,000	Phạm Xuân Trường	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 27%
150	Phạm Văn Phận	49181	2312231043823	Agribank	2,120,000	Phạm Văn Phận	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 61%
151	Phạm Quang Tự	49180	2312231017505	Agribank	2,120,000	Phạm Quang Tự	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
152	Phạm Văn Hánh	49097	2312205141929	Agribank	2,120,000	Phạm Văn Hánh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 21%
153	Phạm Xuân Mẫn	46692	2312231017449	Agribank	2,120,000	Phạm Xuân Mẫn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 21%
154	Phạm Xuân Thưởng	46366	2312231062285	Agribank	2,120,000	Phạm Xuân Thưởng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 25%
155	Nguyễn Văn Nẹt	53364	2312231043353	Agribank	2,120,000	Nguyễn Văn Nẹt	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 22%
156	Phạm Văn Điền	53399	2312205330250	Agribank	2,120,000	Phạm Văn Điền	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 23%
157	Phạm Văn Hiến	45520	2312205359484	Agribank	3,542,000	Phạm Văn Hiến	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
158	Phạm Văn Mức	39946	2312205034810	Agribank	3,542,000	Phạm Văn Mức	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 61%
159	Nguyễn Thị Chiêm	42782	2312231017534	Agribank	1,673,000	Nguyễn Văn Hoàng	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
160	Trương Bá Sững	36877	2312231042872	Agribank	1,673,000	Trương Văn Sững	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
161	Nguyễn Đăng Sung	53366	4610898834	BIDV	2,053,000	Nguyễn Đăng Sung	TB suy giảm KNLĐ từ 24%
162	Phạm Văn Thành	24246	4681660451	BIDV	3,667,000	Phạm Trung Tơi	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%

163	Phạm Thị Phương Thảo	25963	4681649548	BIDV	2,236,000	Phạm Văn Trọng	TB suy giảm KNLĐ từ 25%
164	Phạm Thị Vinh	8556	4602540222	BIDV	2,789,000	Đặng Thị Điểm	Tuất 1 liệt sỹ
165	Phạm Văn Đạt	53686	46810001463748	BIDV	1,565,000	Nguyễn Thị Lệ	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
166	Nguyễn Văn Phúc	44897	4682234789	BIDV	1,565,000	Nguyễn Thị Nhung	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
167	Phạm Thị Hạnh	42040	4602473887	BIDV	3,542,000	Bùi Xuân Trầm	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
168	Nguyễn Thị Sen	13858	4602484241	BIDV	3,542,000	Bùi Văn Tẫu	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
169	Đặng Mạnh Hùng	13855	46810001513166	BIDV	3,542,000	Đặng Xuân Hồng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
170	Nguyễn Thị Sen	2551	4602484241	BIDV	2,789,000	Bùi Văn Tuyền	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên
171	Phạm Xuân Trước	1954	9704229265874409	MB	2,505,000	Phạm Xuân Trước	TB suy giảm KNLĐ 28%
172	Nguyễn Đức Huân	20671	12366889999	MB	2,770,000	Nguyễn Công Hoan	TB suy giảm KNLĐ 31%
173	Chu Quý Công	20137	9704229265875273	MB	1,878,000	Chu Xuân Hồng	TB suy giảm KNLĐ từ 21%
174	Nguyễn Văn Chiến	19848	939678956789	MB	1,878,000	Nguyễn Tiến Hữu	TB suy giảm KNLĐ 21%
175	Nguyễn Văn Nhượng	937	9704229201438469048	MB	2,911,000	Nguyễn Văn Nhượng	BB suy giảm KNLĐ từ 41%
176	Nguyễn Công Chức	940	9704229268887085	MB	2,911,000	Nguyễn Công Chức	BB suy giảm KNLĐ 41%
177	Nguyễn Văn Cờ	934	9704229265875844	MB	2,911,000	Nguyễn Văn Cờ	BB suy giảm KNLĐ từ 41%
178	Đỗ Quang Biện	30120	9704229214403995	MB	4,622,000	Đỗ Quang Biện	BB suy giảm KNLĐ 61%
179	Nguyễn Thanh Tùng	30063	1821984888	MB	4,622,000	Nguyễn Xuân Quy	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
180	Phạm Xuân Trước	28637	9704229265874409	MB	4,622,000	Phạm Xuân Trước	BB suy giảm KNLĐ 65%
181	Nguyễn Thị Loan	14567	9704229267927478	MB	8,135,000	Trần Xuân Tưởng	TB B suy giảm KNLĐ 91%
182	Bùi Văn Bình	8597	0989370469	MB	2,789,000	Nguyễn Thị Xôi	Tuất 1 liệt sỹ
183	Bùi Văn Bình	8594	0989370469	MB	2,789,000	Bùi Văn Nhượng	Tuất 1 liệt sỹ

184	Nguyễn Thành Đồng	8602	9704229265877840	MB	2,789,000	Nguyễn Thị Xu	Tuất 1 liệt sỹ
185	Phạm Văn Đoan	8563	0976022168	MB	2,789,000	Vũ Thị Nhiên	Tuất 1 liệt sỹ
186	Phạm Thị Thanh	8554	9704229246312214	MB	2,789,000	Nguyễn Thị Kim	Tuất 1 liệt sỹ
187	Nguyễn Văn Thụ	8549	2312231134437	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Tơ	Tuất 1 liệt sỹ
188	Nguyễn Văn Thụ	8548	2312231134437	Agribank	2,789,000	Nguyễn Trung Trắc	Tuất 1 liệt sỹ
189	Nguyễn Văn Ca	14941	0972713077	MB	1,565,000	Nguyễn Thị Thường	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
190	Nguyễn Văn Tuấn	51179	2312205416550	Agribank	1,565,000	Bùi Thị Xuyến	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
191	Phạm Thị Thanh	40444	9704229246312214	MB	1,565,000	Nguyễn Thị Kim	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
192	Nguyễn Thị Thịnh	15489	9704229234205800	MB	1,565,000	Nguyễn Thị Khánh	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
193	Nguyễn Thị Loan		9704229267927478	MB	2,789,000	Vũ Thị Thoa	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình
194	Chu Quý Công	53043	9704229265875273	MB	2,120,000	Chu Xuân Hồng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
195	Nguyễn Quốc Ngành	13860	9704229265872056	MB	3,542,000	Nguyễn Quốc Ngành	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
196	Nguyễn Văn Nhượng	38708	9704229383181372	MB	4,964,000	Nguyễn Văn Nhượng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 61%
197	Nguyễn Văn Nhượng	3304	9704229383181372	MB	1,673,000	Nguyễn Văn Thanh	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
198	Vũ Văn Tâm	36915	2312205018518	Agribank	1,673,000	Vũ Văn Đàm	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
199	Nguyễn Xuân Sự	36908	0530104641007	MB	1,673,000	Bùi Thị Thơm	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
200	Nguyễn Quốc Ngành	34790	9704229265872056	MB	2,838,000	Nguyễn Quốc Ngành	Quân nhân xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT
201	Hà Văn Duyên	34789	9704229268887002	MB	2,966,000	Hà Ngọc Duyên	Quân nhân xuất ngũ từ 16 đến dưới 17 năm CT
202	Phạm Thị Chung	17344	20001014935092	MSB	1,878,000	Ngô Bá Đàm	TB suy giảm KNLĐ từ 21%
203	Phạm Thị Vân	25251	20001014705642	MSB	5,450,000	Nguyễn Thế Thoả	TB suy giảm KNLĐ từ 61%
204	Phạm Văn Tình	32238	20001014956396	MSB	4,622,000	Phạm Xuân Thi	BB suy giảm KNLĐ 61%

205	Nguyễn Văn Đầm	8576	030056521042	Sacombank	2,789,000	Nguyễn Thị Ngợi	Tuất 1 liệt sỹ
206	Trần Thị Thuý	8550	8817842357	BIDV	2,789,000	Trần Thị Cáy	Tuất 1 liệt sỹ
207	Nguyễn Văn Đầm	42047	030056521042	Sacombank	2,789,000	Nguyễn Thị Điểm	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
208	Bùi Mạnh Du	36344	0341005828403	Vietcombank	1,878,000	Bùi Văn Tim	TB suy giảm KNLĐ 21%
209	Phạm Thị Mỹ	26873	0341006904914	Vietcombank	1,878,000	Phạm Văn Xê	TB suy giảm KNLĐ từ 25%
210	Phạm Thị Nga	24917	0341006905339	Vietcombank	2,236,000	Phạm Ngọc Thanh	TB suy giảm KNLĐ từ 25%
211	Nguyễn Văn Đức	24803	0341000640784	Vietcombank	4,561,000	Nguyễn Văn Thạo	TB suy giảm KNLĐ 51%
212	Chu Văn Tập	24444	1038879082	Vietcombank	2,236,000	Chu Văn Tập	TB suy giảm KNLĐ 25%
213	Nguyễn Thị Nhung	24240	1035080889	Vietcombank	5,277,000	Nguyễn Trung Tơn	TB suy giảm KNLĐ từ 53%
214	Nguyễn Hồng Anh	23674	1031248889	Vietcombank	2,053,000	Nguyễn Huy Sách	TB suy giảm KNLĐ 23%
215	Nguyễn Thị Hương	23250	0341006978166	Vietcombank	3,217,000	Nguyễn Xuân Phiến	TB suy giảm KNLĐ từ 36%
216	Hoàng Thị Nhung	22882	0401000036633	Vietcombank	4,918,000	Phạm Văn Nhớn	TB suy giảm KNLĐ 55 %
217	Nguyễn Xuân Hùng	18314	0341005918620	Vietcombank	4,561,000	Nguyễn Văn Bưởng	TB suy giảm KNLĐ 51%
218	Nguyễn Thị Trà My	939	1017340692	vietcombank	2,911,000	Nguyễn Xuân Tuy	BB suy giảm KNLĐ từ 41%
219	Bùi Xuân Tuyển	930	1042347800	Vietcombank	3,627,000	Bùi Xuân Tuyển	BB suy giảm KNLĐ từ 56%
220	Nguyễn Thị Hương	28664	0341006978136	Vietcombank	4,622,000	Trần Bá Vịnh	BB suy giảm KNLĐ từ 65%
221	Đặng Xuân Bình	32413	0591000215790	Vietcombank	4,622,000	Đặng Văn Quảng	BB suy giảm KNLĐ 61%
222	Nguyễn Hồng Anh	28632	1031248889	Vietcombank	4,622,000	Nguyễn Huy Sách	BB suy giảm KNLĐ 65%
223	Vũ Thị Vui	941	0341006952580	Vietcombank	4,622,000	Vũ Tiến Dũng	BB suy giảm KNLĐ từ 41%
224	Phạm Thị Duyên	8599	1058446401	Vietcombank	2,789,000	Nguyễn Thị Đỗ	Tuất 1 liệt sỹ
225	Đỗ Thị Thơm	8604	0341006905165	Vietcombank	2,789,000	Phạm Thị Nhãn	Tuất 1 liệt sỹ

226	Nguyễn Văn Biện	8562	1031017991	Vietcombank	2,789,000	Phạm Thị Sáu	Tuất 1 liệt sỹ
227	Chu Đức Đạt	8558	0341007124665	Vietcombank	5,020,000	Vũ Thị San	Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND
228	Phạm Thị Lan	36063	0491000147010	Vietcombank	1,565,000	Đặng Thị Nở	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
229	Nguyễn Thị Hương	42930	0341006978136	Vietcombank	1,565,000	Nguyễn Thị Hòa	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
230	Vũ Xuân Hồng	46304	0341007006948	Vietcombank	2,120,000	Vũ Xuân Hồng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
231	Nguyễn Thị Hương	25364	0341006978166	Vietcombank	3,542,000	Nguyễn Xuân Phiến	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
232	Phạm Hữu Quỳnh	43278	2312231145650	Agribank	3,542,000	Phạm Hữu Quỳnh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
233	Nguyễn Thị Nhung	33030	1035080889	Vietcombank	3,542,000	Nguyễn Trung Tơn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
234	Bùi Xuân Tuyển	14213	1042347800	Vietcombank	3,542,000	Bùi Xuân Tuyển	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
235	Vũ Thị Ái	13874	0341006905566	Vietcombank	3,542,000	Vũ Như Ý	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
236	Phạm Văn Công	13873	2312215034035	Agribank	3,542,000	Phạm Văn Chiến	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
237	Đặng Lê Thị Trà My	13872	0341007055755	Vietcombank	3,542,000	Đặng Long Xuyên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
238	Phạm Thị Mỹ	13862	0341006904914	Vietcombank	3,542,000	Phạm Văn Xê	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
239	Bùi Thị Toan	13857	0341006905574	Vietcombank	3,542,000	Phạm Văn Thơm	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
240	Phạm Văn Công	38677	2312215034035	Agribank	4,964,000	Nguyễn Thị Lan	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 61%
241	Vũ Thị Ái	2553	0341006905566	Vietcombank	1,673,000	Vũ Thị Mai	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
242	Nguyễn Thị Nhung	36916	1035080889	Vietcombank	1,673,000	Nguyễn Trung Tơn	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
243	Vũ Thị Hồng Len	33619	101870628942	Vietinbank	1,878,000	Nguyễn Văn Vượng	TB suy giảm KNLĐ 21%
244	Phạm Thị Lượt	18418	103006687541	Vietinbank	2,144,000	Nguyễn Văn Bền	TB suy giảm KNLĐ 24%
245	Nguyễn Thị Huyền	936	103001633669	Vietinbank	2,911,000	Trần Ngọc Oanh	BB suy giảm KNLĐ 41%
246	Nguyễn Thị Huyền	28532	105881660069	Vietinbank	4,622,000	Nguyễn Văn Dương	BB suy giảm KNLĐ từ 61%

247	Nguyễn Văn Tâm	27532	103879764446	Vietinbank	5,329,000	Phạm Văn Đụng	BB suy giảm KNLĐ từ 71%
248	Phạm Thị Huyên	41535	102001692161	Vietinbank	1,565,000	Vũ Thị Hệ	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
249	Phạm Thị Thuyên	43447	0365114025	Vietinbank	1,673,000	Phạm Thị Thuyên	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
250	Nguyễn Thế Hoà	26467	0943943238	Vietinbank	1,878,000	Nguyễn Thế Vững	TB suy giảm KNLĐ 21%
251	Nguyễn Hữu Dũng	19531	104879338639	Vietinbank	4,024,000	Nguyễn Hữu Dũng	TB suy giảm KNLĐ 45%
252	Đặng Văn Đường	45984	100879845920	Vietinbank	2,053,000	Đặng Văn Đường	TB suy giảm KNLĐ 23%
253	Nguyễn Thế Hoà	929	0943943238	Vietinbank	2,911,000	Nguyễn Thế Vững	BB suy giảm KNLĐ 41%
254	Nguyễn Thế Hoà	14199	0943943238	Vietinbank	3,542,000	Nguyễn Thế Vững	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
255	Nguyễn Thanh Bình	33692	2312231105185	Agribank	1,878,000	Nguyễn Thanh Bình	TB suy giảm KNLĐ từ 21%
256	Nguyễn Xuân Vở	26554	2312231076280	Agribank	1,878,000	Nguyễn Xuân Vở	TB suy giảm KNLĐ 21%
257	Nguyễn Văn Tân	24210	2312231076606	Agribank	4,024,000	Nguyễn Văn Tân	TB suy giảm KNLĐ 45%
258	Bùi Xuân Nhị	22914	2312231101791	Agribank	3,399,000	Bùi Xuân Nhị	TB suy giảm KNLĐ 38%
259	Nguyễn Thanh Miện	22233	2312231092082	Agribank	1,878,000	Nguyễn Thanh Miện	TB suy giảm KNLĐ 21%
260	Nguyễn Ngọc Long	21822	2312231071950	Agribank	2,053,000	Nguyễn Ngọc Long	TB suy giảm KNLĐ 23%
261	Phạm Trung Lập	21602	2312205275217	Agribank	3,667,000	Phạm Văn Lập	TB suy giảm KNLĐ 41%
262	Nguyễn Hồng Khanh	21028	2312231074596	Agribank	2,144,000	Nguyễn Hồng Khanh	TB suy giảm KNLĐ 24%
263	Nguyễn Văn Hoan	20679	2312231076460	Agribank	1,878,000	Nguyễn Văn Hoan	TB suy giảm KNLĐ 21%
264	Nguyễn Thanh Hồng	20148	2312231075025	Agribank	1,878,000	Nguyễn Thanh Hồng	TB suy giảm KNLĐ 21%
265	Nguyễn Văn Chiều	19025	2312231076504	Agribank	2,053,000	Nguyễn Văn Chiều	TB suy giảm KNLĐ từ 21%
266	Nguyễn Văn Chanh	18867	2312231076448	Agribank	1,878,000	Nguyễn Văn Chanh	TB suy giảm KNLĐ 21%
267	Đặng Văn Thoa	25270	2312231086986	Agribank	2,236,000	Đặng Đức Thoa	TB suy giảm KNLĐ 25%

268	Đặng Duy Thiết	25145	2312231082100	Agribank	1,878,000	Đặng Huy Thiết	TB suy giảm KNLĐ 21%
269	Bùi Văn Mỳ	22292	2312231072193	Agribank	1,878,000	Bùi Sỹ Mỳ	TB suy giảm KNLĐ 21%
270	Phạm Tuấn Quang	52991	2312231087841	Agribank	2,770,000	Phạm Tuấn Quang	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
271	Nguyễn Viết Thức	52540	2312231087870	Agribank	1,878,000	Nguyễn Viết Thức	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
272	Nguyễn Công Sử	51277	2312231073144	Agribank	1,878,000	Nguyễn Công Sử	TB suy giảm KNLĐ 21%
273	Trần Anh Lựu	51276	2312231072079	Agribank	1,969,000	Trần Anh Lựu	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
274	Vũ Văn Phiệu	50698	2312231083160	Agribank	2,144,000	Vũ Văn Phiệu	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
275	Nguyễn Đức Thưa	25362	2312231072040	Agribank	1,878,000	Nguyễn Đức Thưa	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
276	Nguyễn Văn Tương	42173	2312231072141	Agribank	1,878,000	Nguyễn Văn Tương	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
277	Nguyễn Trung Dũng	33621	2312231072158	Agribank	2,053,000	Nguyễn Trung Dũng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
278	Nguyễn Trung Lập	33420	2312231087756	Agribank	3,667,000	Nguyễn Trung Lập	TB suy giảm KNLĐ từ 41%
279	Phạm Văn Tẽo	25599	2312231087762	Agribank	3,667,000	Phạm Văn Tẽo	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
280	Hà Văn Thái	24495	2312231073173	Agribank	3,667,000	Hà Văn Thái	TB suy giảm KNLĐ 41%
281	Nguyễn Văn Quánh	23369	2312231072187	Agribank	3,667,000	Nguyễn Văn Quánh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
282	Phạm Văn Phú	23279	2312231082405	Agribank	2,770,000	Phạm Văn Phú	TB suy giảm KNLĐ từ 31%
283	Nguyễn Văn Nghị	22590	2312231073614	Agribank	3,667,000	Nguyễn Văn Nghị	TB suy giảm KNLĐ từ 41%
284	Nguyễn Văn Mùa	22145	2312231073650	Agribank	3,667,000	Nguyễn Văn Mùa	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
285	Trần Công Lệ	21772	2312231071785	Agribank	3,667,000	Trần Công Lệ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
286	Bùi Thế Lộc	21549	2312205138188	Agribank	3,667,000	Bùi Thế Lộc	TB suy giảm KNLĐ 41%
287	Phạm Văn Hý	20853	2312205211867	Agribank	2,053,000	Phạm Văn Hý	TB suy giảm KNLĐ từ 41%
288	Nguyễn Văn Huyên	20819	2312231073013	Agribank	1,878,000	Nguyễn Văn Huyên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%

289	Đặng Xuân Hạm	20062	2312231072164	Agribank	3,667,000	Đặng Xuân Hạm	TB suy giảm KNLĐ 41%
290	Nguyễn Văn Công	18545	2312205295873	Agribank	1,878,000	Nguyễn Văn Công	TB suy giảm KNLĐ từ 21%
291	Nguyễn Văn Bình	18061	2312231087791	Agribank	4,024,000	Nguyễn Văn Bình	TB suy giảm KNLĐ 45%
292	Đặng Minh Đức	17786	2312231086718	Agribank	2,236,000	Đặng Minh Đức	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
293	Vũ Thị Loan	17220	06735990000068	MBV	2,683,000	Đặng Văn Ân	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
294	Nguyễn Văn Cải	18596	2312231082168	Agribank	5,450,000	Nguyễn Văn Cải	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
295	Nguyễn Đình Tảo	17016	2312231087914	Agribank	8,639,000	Nguyễn Đình Tảo	TB suy giảm KNLĐ 81%
296	Đàm Xuân Đạo	16666	2312231117292	Agribank	10,107,000	Đàm Xuân Đạo	TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên có VT ĐB nặng
297	Phạm Công Vinh	932	2312205211476	Agribank	2,911,000	Phạm Công Vinh	BB suy giảm KNLĐ từ 41%
298	Vũ Văn Toàn	927	2312231108069	Agribank	2,911,000	Vũ Văn Toàn	BB suy giảm KNLĐ 41%
299	Nguyễn Ngọc Lúa	942	2312231086674	Agribank	2,911,000	Nguyễn Ngọc Lúa	BB suy giảm KNLĐ từ 41%
300	Bùi Huy Duyên	938	2312231082428	Agribank	2,911,000	Bùi Huy Duyên	BB suy giảm KNLĐ từ 41%
301	Nguyễn Đức Diệu	935	2312231087858	Agribank	2,911,000	Nguyễn Đức Diệu	BB suy giảm KNLĐ từ 41%
302	Trần Văn Dương	931	2312231086697	Agribank	2,911,000	Trần Văn Dương	BB suy giảm KNLĐ từ 41%
303	Phạm Minh Vượng	32311	2312231076346	Agribank	4,622,000	Phạm Minh Vượng	BB suy giảm KNLĐ 61%
304	Phạm Ngọc Lâm	31901	2312231116934	Agribank	4,622,000	Phạm Ngọc Lâm	BB suy giảm KNLĐ 61%
305	Vũ Đình Tuyên	31533	2312231083148	Agribank	4,622,000	Vũ Đình Tuyên	BB suy giảm KNLĐ 61%
306	Vũ Hải Hà	31512	2312205307661	Agribank	4,622,000	Vũ Đình Kha	BB suy giảm KNLĐ 61%
307	Phạm Văn Thích	31243	2312231073065	Agribank	4,622,000	Phạm Xuân Thích	BB suy giảm KNLĐ 61%
308	Đàm Xuân Hiếu	30755	2312231076317	Agribank	4,622,000	Đàm Xuân Hiếu	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
309	Nguyễn Đức Toản	30741	2312231076375	Agribank	4,622,000	Nguyễn Đức Toản	BB suy giảm KNLĐ từ 61%

310	Phạm Hồng Ngát	30278	2312231096451	Agribank	4,622,000	Lê Hồng Ngát	BB suy giảm KNLĐ 61%
311	Nguyễn Quang Hoà	28824	2312231074987	Agribank	4,622,000	Nguyễn Quang Hoà	BB suy giảm KNLĐ 65%
312	Ngô Thị Tuấn	28815	2312205022630	Agribank	4,622,000	Nguyễn Tiến Nhinh	BB suy giảm KNLĐ từ 65%
313	Đặng Văn Đương	28734	2312231082696	Agribank	4,622,000	Đặng Xuân Đương	BB suy giảm KNLĐ từ 65%
314	Phạm Văn Khoái	32155	2312231083098	Agribank	4,622,000	Phạm Văn Khoái	BB suy giảm KNLĐ 61%
315	Nguyễn Ngọc Châu	31847	2312231072880	Agribank	4,622,000	Nguyễn Ngọc Châu	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
316	Nguyễn Đức Thưa	30218	2312231072040	Agribank	4,622,000	Nguyễn Đức Thưa	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
317	Nguyễn Đức Điểu	30097	2312231087740	Agribank	4,622,000	Nguyễn Đức Điểu	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
318	Nguyễn Đăng Miên	29831	2312231071812	Agribank	8,503,000	Nguyễn Đăng Miên	BB suy giảm KNLĐ 93%
319	Nguyễn Đăng Miên	29831	2312231071812	Agribank	2,789,000	Nguyễn Đăng Miên	Người phục vụ bệnh binh 93%
320	Nguyễn Viết Thức	29758	2312231087870	Agribank	4,622,000	Nguyễn Viết Thức	BB suy giảm KNLĐ 61%
321	Nguyễn Văn Hoàn	28941	341007144979	Vietcombank	4,622,000	Nguyễn Đại Thắng	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
322	Nguyễn Đức Bền	28846	2312231071756	Agribank	4,622,000	Nguyễn Đức Bền	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
323	Trần Duy Miềng	28804	2312231071683	Agribank	4,622,000	Trần Duy Miềng	BB suy giảm KNLĐ từ 65%
324	Ngô Bá Định	28658	2312231087812	Agribank	4,622,000	Ngô Bá Định	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
325	Vũ Xuân Đãi	28507	2312231083046	Agribank	4,622,000	Vũ Xuân Đãi	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
326	Vũ Xuân Thô	933	2312231009260	Agribank	4,622,000	Vũ Xuân Thô	BB suy giảm KNLĐ 61%
327	Nguyễn Văn Tương	27682	2312231072141	Agribank	5,329,000	Nguyễn Văn Tương	BB suy giảm KNLĐ từ 71%
328	Nguyễn Văn Sử	14566	2312231025040	Agribank	1,552,000	Nguyễn Văn Sử	TB B suy giảm KNLĐ từ 21%
329	Vũ Xuân Đãi	52811	2312231083046	Agribank	2,577,000	Vũ Xuân Đãi	TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%
330	Phạm Quốc Trung	8591	2312231071870	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Hát	Tuất 1 liệt sỹ

331	Nguyễn Quang Vinh	8589	2312205217046	Agribank	2,789,000	Đinh Thị Nhắc	Tuất 1 liệt sỹ
332	Lê Văn Trình	8588	2312231083081	Agribank	2,789,000	Vũ Thị Nõn	Tuất 1 liệt sỹ
333	Nguyễn Thị Oanh	8586	2312231087829	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Oanh	Tuất 1 liệt sỹ (TÁI GIÁ)
334	Chu Văn Biềng	8578	2312205281958	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Lánh	Tuất 1 liệt sỹ
335	Nguyễn Thị Lán	8574	2312231073036	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Lán	Tuất 1 liệt sỹ
336	Nguyễn Trung Dũng	8569	2312231072158	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Mây	Tuất 1 liệt sỹ
337	Phạm Văn Bồng	8566	2312231072952	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Nghiệp	Tuất 1 liệt sỹ
338	Nguyễn Văn Huy	8564	2312231082542	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Đồng	Tuất 1 liệt sỹ
339	Phạm Văn Ngọc	8553	2312205432658	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Dít	Tuất 1 liệt sỹ
340	Nguyễn Trung Dũng	8544	2312231072158	Agribank	2,789,000	Nguyễn Trung Dũng	Tuất 1 liệt sỹ
341	Nguyễn Ngọc Lợi	8542	2312519861986	Agribank	2,789,000	Lưu Thị Lương	Tuất 1 liệt sỹ
342	Nguyễn Công Bính	8592	2312205197713	Agribank	5,020,000	Trần Thị Oánh	Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND
343	Nguyễn Thị Thảo	34074	2312231082638	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Thảo	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
344	Nguyễn Thị Thu	49099	2312205286084	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị The	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
345	Bùi Thị Trà	15318	2312231082276	Agribank	1,565,000	Bùi Thị Trà	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
346	Bùi Sỹ Tuấn	15317	2301205165294	Agribank	1,565,000	Trần Thị Hoài	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
347	Bùi Sỹ Tuấn	15316	2301205165294	Agribank	1,565,000	Trần Thị Tắc	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
348	Nguyễn Văn Tân	15314	2312231076606	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Xanh	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
349	Trần Thị Liên	44804	2312231087908	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Nhân	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
350	Phạm Đình Đại	40443	102005662758	Vietinbank	1,565,000	Nguyễn Thị Lâm	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
351	Nguyễn Văn Tuấn	32916	2312205367765	Agribank	1,565,000	Đặng Thị Vụ	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB

352	Nguyễn Thị Gấm	53849	2312231126002	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Nhắc	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXND
353	Nguyễn Thị Gấm	53768	2312231126002	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Gấm	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
354	Nguyễn Văn Toàn	40447	2312910011981	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Lưới	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
355	Nguyễn Đình Tảo		2312231087914	Agribank	2,789,000	Trần Thị Luy	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình
356	Đàm Xuân Đạo	NPV	2312231117292	Agribank	3,582,000	Nguyễn Thị Soái	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên có VT ĐB nặng ở gia đình
357	Nguyễn Thanh Miện	46208	2312231092082	Agribank	2,120,000	Nguyễn Thanh Miện	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
358	Nguyễn Thanh Bình	45664	2312231105185	Agribank	2,120,000	Nguyễn Thanh Bình	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
359	Nguyễn Thanh Hồng	45622	2312231075025	Agribank	2,120,000	Nguyễn Thanh Hồng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
360	Phạm Văn Rồi	52740	2312231082673	Agribank	2,120,000	Phạm Văn Rồi	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 35%
361	Đặng Duy Nhiên	46274	2312231071841	Agribank	2,120,000	Đặng Duy Nhiên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
362	Nguyễn Văn Đằng	45944	2312231127238	Agribank	2,120,000	Nguyễn Văn Đằng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
363	Nguyễn Văn Huynh	53445	2312205266239	Agribank	2,120,000	Nguyễn Văn Huynh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
364	Nguyễn Văn Nghị	53853	2312231073614	Agribank	2,120,000	Nguyễn Văn Nghị	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
365	Bùi Xuân Lộc	44888	2312231076527	Agribank	3,542,000	Bùi Xuân Lộc	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
366	Phạm Thị Luân	44249	106002315850	Vietinbank	3,542,000	Phạm Hữu Luyên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
367	Nguyễn Đức Chanh	13871	2312231076579	Agribank	3,542,000	Nguyễn Đức Chanh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
368	Nguyễn Văn Mùa	45529	2312231073650	Agribank	3,542,000	Nguyễn Văn Mùa	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
369	Trần Thị Thoan	45523	2312231082650	Agribank	3,542,000	Trần Văn Minh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
370	Nguyễn Đình Tảo	25292	2312231087914	Agribank	3,542,000	Nguyễn Đình Tảo	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
371	Trần Công Lệ	25283	2312231071785	Agribank	3,542,000	Trần Công Lệ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
372	Đặng Xuân Hạm	45183	2312231072164	Agribank	3,542,000	Đặng Xuân Hạm	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%

373	Nguyễn Gia Thiều	44361	2312231071943	Agribank	3,542,000	Nguyễn Gia Thiều	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
374	Nguyễn Trung Lập	42981	2312231087756	Agribank	3,542,000	Nguyễn Trung Lập	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
375	Hà Văn Thái	42779	2312231073173	Agribank	3,542,000	Hà Văn Thái	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
376	Nguyễn Ngọc Long	42766	2312231071950	Agribank	3,542,000	Nguyễn Ngọc Long	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
377	Nguyễn Văn Quánh	42046	2312231072187	Agribank	3,542,000	Nguyễn Văn Quánh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
378	Nguyễn Thị Tươi	41544	2312205124279	Agribank	3,542,000	Nguyễn Văn Cải	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
379	Vũ Minh Thành	39930	2312215003308	Agribank	3,542,000	Vũ Xuân Tiếp	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
380	Phạm Văn Tẽo	33788	2312231087762	Agribank	3,542,000	Phạm Văn Tẽo	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
381	Nguyễn Đức Lời	33190	2312231071791	Agribank	3,542,000	Nguyễn Đức Lời	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
382	Trần Duy Linh	13870	2312231071864	Agribank	3,542,000	Trần Duy Linh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
383	Nguyễn Hồng Hiệp	13867	2312231073608	Agribank	3,542,000	Nguyễn Hồng Hiệp	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
384	Nguyễn Thanh Thuyết	13866	2312231073404	Agribank	3,542,000	Nguyễn Thanh Thuyết	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
385	Phạm Huy Đỗ	13865	2312205342583	Agribank	3,542,000	Phạm Huy Đỗ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
386	Vũ Văn Phiệu	13864	2312231083160	Agribank	3,542,000	Vũ Văn Phiệu	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
387	Phạm Văn Hý	13861	2312205211867	Agribank	3,542,000	Phạm Văn Hý	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
388	Bùi Văn Cải	38675	2312231096576	Agribank	4,964,000	Bùi Văn Cải	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 61%
389	Vũ Thị Biển	2447	2312231050908	Agribank	1,673,000	Vũ Thị Biển	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
390	Phạm Văn Tẽo	2550	2312231087762	Agribank	1,673,000	Phạm Minh Tuấn	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
391	Nguyễn Đức Lời	32658	2312231071791	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Lan	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên
392	Đặng Minh Quân	2549	2312215002856	Agribank	2,789,000	Đặng Thị Hằng	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên
393	Trần Duy Linh	36909	2312231071864	Agribank	1,673,000	Trần Duy Linh	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày

394	Trần Văn Xuê	36905	2312231071829	Agribank	1,673,000	Trần Văn Xuê	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
395	Nguyễn Thị Huyền	34791	103001633669	Vietinbank	2,838,000	Nguyễn Văn Trung	Quân nhân xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT
396	Nguyễn Huy Ưởng	34794	2312231071989	Agribank	2,838,000	Nguyễn Huy Ưởng	Quân nhân xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT
397	Bùi Văn Quang	34792	2312231105179	Agribank	2,966,000	Bùi Văn Quang	Quân nhân xuất ngũ từ 16 đến dưới 17 năm CT
398	Nguyễn Văn Huynh	34793	2312205266239	Agribank	3,227,000	Nguyễn Văn Huynh	Quân nhân xuất ngũ từ 18 đến dưới 19 năm CT
399	Đồng Xuân Điệp	41381	259534929	ACB	2,789,000	Đồng Xuân Điệp	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
400	Nguyễn Tiến Thảo	24723	6020498222	BIDV	4,024,000	Nguyễn Tiến Thảo	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
401	Trần Thị Mải	8479	4682286115	BIDV	2,789,000	Nguyễn Thị Tro	Tuất 1 liệt sỹ
402	Nguyễn Văn Khánh	15559	4603096791	BIDV	1,565,000	Nguyễn Thị Coóng	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
403	Nguyễn Thị Quyên	49100	4603907653	BIDV	1,565,000	Nguyễn Thị Bé	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
404	Bùi Thị Phượng	53321	4601174938	BIDV	1,565,000	Trần Thị Thắm	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
405	Nguyễn Tiến Thảo	35743	6020498222	BIDV	3,542,000	Nguyễn Tiến Thảo	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
406	Nguyễn Thị Nhụ	8464	959581215014	LPB	2,789,000	Nguyễn Đình Giản	Tuất 1 liệt sỹ
407	Nguyễn Hữu Huy	35870	1971986789	MB	3,667,000	Nguyễn Xuân Thầm	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
408	Phạm Văn Tịnh	35206	9704229336562405	MB	2,589,000	Phạm Văn Tịnh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
409	Phạm Huy Nhàng	33588	9704229366459787	MB	2,683,000	Phạm Huy Nhàng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
410	Nguyễn Thị Len	19058	9704229245138560	MB	2,770,000	Nguyễn Đình Chúc	TB suy giảm KNLĐ từ 31%
411	Phạm Văn Ngợi	32181	9704229345010313	MB	4,622,000	Phạm Văn Ngợi	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
412	Nguyễn Đình Hậu	31792	970422920253842526 0	MB	4,622,000	Nguyễn Đình Hậu	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
413	Nguyễn Tiến Lục	31758	970422920544359376 7	MB	4,622,000	Nguyễn Tiến Lục	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
414	Nguyễn Thị Tươi	30952	103881681284	Viettinbank	4,622,000	Nguyễn Ngọc Lân	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%

415	Nguyễn Văn Nhu	29011	970422920706462904 5	MB	4,622,000	Nguyễn Văn Nhu	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
416	Nguyễn Ngọc Thai	27423	970422920766268777 5	MB	5,329,000	Nguyễn Ngọc Thai	BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%
417	Nguyễn Diệu Thúy	8459	970422920647907354 2	MB	2,789,000	Nguyễn Thị Mơ	Tuất 1 liệt sỹ
418	Nguyễn Thị Lê	7688	970422920692921093 4	MB	2,789,000	Trương Thị Tý	Tuất 1 liệt sỹ
419	Nguyễn Thị Len	8463	9704229245138560	MB	2,789,000	Phạm Thị Liễu	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
420	Nguyễn Thị May	52246	970422920128576277 6	MB	1,565,000	Phạm Thị Hòa	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
421	Đồng Thị Ngần	33171	970422920397039981 5	MB	1,565,000	Đồng Thị Ngần	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
422	Nguyễn Hữu Chức	46399	2312205272849	Agribank	2,120,000	Nguyễn Hữu Chức	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
423	Nguyễn Thị Tuấn	41542	976542234	MB	3,542,000	Nguyễn Minh Tỏ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
424	Nguyễn Tiến Lục	32811	970422920544359376 7	MB	3,542,000	Nguyễn Tiến Lục	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
425	Nguyễn Văn Nhu	32812	970422920706462904 5	MB	3,542,000	Nguyễn Văn Nhu	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
426	Nguyễn Văn Lai	37761	970422920115295303 7	MB	3,542,000	Nguyễn Văn Lai	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
427	Nguyễn Thị Tuấn	36955	976542234	MB	1,673,000	Nguyễn Minh Tỏ	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
428	Nguyễn Thiên Trược	51182	2312249009505	Agribank	1,969,000	Nguyễn Thiên Trược	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
429	Nguyễn Doãn Thắng	35176	970422920026170341 6	MB	1,878,000	Cao Doãn Thắng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
430	Đinh Văn Tung	26265	2312231131110	Agribank	1,878,000	Đinh Văn Tung	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
431	Nguyễn Hữu Thuân	25381	2312231131104	Agribank	2,236,000	Nguyễn Hữu Thuân	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
432	Nguyễn Văn Mẫn	22108	970422920286341545 6	MB	2,411,000	Nguyễn Văn Mẫn	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
433	Nguyễn Thiên Lịnh	21705	970422920117417360 6	MB	1,878,000	Nguyễn Thiện Linh	TB suy giảm KNLĐ 21%
434	Nguyễn Thị Tuyết	20060	626466528525	LPBank	1,878,000	Trần Văn Hạc	TB suy giảm KNLĐ từ 21%
435	Nguyễn Kim Cồng	18664	970422920579021425 6	MB	3,132,000	Nguyễn Kim Cồng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-%

436	Đàm Hữu Chuộng	19131	970422920647619198 2	MB	3,132,000	Đàm Huy Chuộng	TB suy giảm KNLĐ 35%
437	Phạm Văn Ba	18201	970422920238937617 4	MB	1,878,000	Phạm Văn Ba	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
438	Nguyễn Thị Khu	23772	2312205357204	Agribank	5,450,000	Nguyễn Đình Sơn	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
439	Trần Văn Phan	902	2312231139561	Agribank	2,911,000	Trần Văn Phận	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
440	Nguyễn Thiên Trược	32188	2312249009505	Agribank	4,622,000	Nguyễn Thiên Trược	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
441	Đặng Thị Tình	894	0388170935	Viettinbank	4,622,000	Đặng Xuân Nhứ	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
442	Nguyễn Thị Len	8468	9704229245138560	MB	2,789,000	Nguyễn Văn Chúc	Tuất 1 liệt sỹ
443	Nguyễn Thị Thuế	8437	970422920545479117 7	MB	2,789,000	Nguyễn Thị Thuế	Tuất 1 liệt sỹ
444	Đặng Thị Nhân	42189	970422920544409250 4	MB	2,789,000	Nguyễn Thị Nhuần	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
445	Đinh Văn Thọ	53173	7450104833005	MB	1,565,000	Nguyễn Thị Cúc	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
446	Nguyễn Thị Tuyết	42776	626466528525	LPBank	3,542,000	Trần Văn Hạc	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
447	Nguyễn Văn Mẫn	14212	970422920286341545 6	MB	3,542,000	Nguyễn Văn Mẫn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
448	Nguyễn Hữu Thuân	40690	2312231131104	Agribank	1,673,000	Nguyễn Hữu Thuân	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
449	Nguyễn Thiên Lịnh	39252	970422920117417360 6	MB	1,673,000	Nguyễn Thiện Minh	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
450	Đinh Văn Tung	36894	2312231131110	Agribank	1,673,000	Đinh Văn Tung	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
451	Vũ Xuân Trường	26019	06706700211100031	MBV	3,667,000	Vũ Xuân Trường	TB suy giảm KNLĐ 41%
452	Trần Văn Khơi	896	20001014978633	MSB	2,911,000	Trần Văn Xuyến	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
453	Trần Thị Ngân Hà	49769	030040201404	Sacombank	2,789,000	Trần Thị Hợp	Tuất 1 liệt sỹ
454	Trần Thị Hạnh	23538	0341006906258	Vietcombank	2,236,000	Đinh Văn Quý	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
455	Trần Thị Ánh	23187	0341007065546	Vietcombank	2,770,000	Trần Văn Phận	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
456	Nguyễn Thị Nhiên	25315	0341007095873	Vietcombank	1,878,000	Vũ Văn Thức	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%

457	Nguyễn Thị Thủy	25910	9344188693	Vietcombank	2,236,000	Nguyễn Thế Trương	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
458	Trần Văn Chinh	19136	1012551377	Vietcombank	6,343,000	Trần Văn Chuốt	TB suy giảm KNLĐ 71%
459	Lê Thị An	897	0341000640946	Vietcombank	2,911,000	Đinh Công Khảm	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
460	Nguyễn Thiên Liệu	29797	1017595361	Vietcombank	4,622,000	Nguyễn Thiên Liệu	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
461	Trương Công Du	743	0341006937631	Vietcombank	4,622,000	Trương Công Oánh	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
462	Trần Văn Diện	28500	1053292520	Vietcombank	4,622,000	Trần Văn Diện	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
463	Bùi Văn Khải	8480	0341007074006	Vietcombank	2,789,000	Đinh Thị Gái	Tuất 1 liệt sỹ
464	Nguyễn Thị Hương	8478	0341007093047	Vietcombank	2,789,000	Đặng Thị Lân	Tuất 1 liệt sỹ
465	Phạm Ngọc Sang	8477	1040088994	Vietcombank	2,789,000	Nguyễn Thị Diệp	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
466	Nguyễn Thị Doanh	33031	46310000071754	BIDV	1,565,000	Đặng Thị My	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
467	Nguyễn Thu Hoàn	52310	0341006904320	Vietcombank	1,565,000	Nguyễn Thị Cảnh	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
468	Nguyễn Thị Thu	50059	0341006906486	Vietcombank	1,565,000	Trần Thị Bén	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
469	Trần Thị Liêm	45155	1044141095	Vietcombank	1,565,000	Nguyễn Thị Nền	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
470	Bùi Thị Huyền	2530	1041019932	Vietcombank	1,673,000	Bùi Viết Huệ	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
471	Nguyễn Thị May	32656	0341006906476	Vietcombank	2,789,000	Nguyễn Thị Xuê	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên
472	Phạm Thị Mai	36973	0341001859771	Vietcombank	1,673,000	Phạm Văn Sấn	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
473	Vũ Văn Vương	49485	103001619618	Vietinbank	2,053,000	Vũ Văn Vương	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
474	Phạm Văn Sáng	23742	105003359530	Vietinbank	2,683,000	Phạm Văn Sơ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
475	Đặng Thị Duyên	21634	102876368789	Vietinbank	1,969,000	Phạm Thị Liên	TB suy giảm KNLĐ 22%
476	Phạm Thị Tô Hòa	22532	108001655451	Vietinbank	6,436,000	Phạm Đức Nghìn	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
477	Nguyễn Thiện Chung	16983	104871751541	Vietinbank	9,085,000	Nguyễn Thiên Phế	TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên

478	Vũ Văn Vương	30653	103001619618	Vietinbank	4,622,000	Vũ Văn Vương	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
479	Phạm Huy Sơn	8431	102001677518	Vietinbank	2,789,000	Đàm Thị Ân	Tuất 1 liệt sỹ
480	Vương Thị Khuyên	7705	109001662128	Vietinbank	2,789,000	Phạm Thị Thu	Tuất 1 liệt sỹ
481	Nguyễn Thị Kim	7696	101867322278	Vietinbank	2,789,000	Phùng Thị Thắng	Tuất 1 liệt sỹ
482	Nguyễn Thiện Chung		104871751541	Vietinbank	2,789,000	Nguyễn Thiện Chung	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình
483	Phạm Thị Tô Hòa	14333	108001655451	Vietinbank	3,542,000	Phạm Đức Nghìn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
484	Nguyễn Thị Hiền	8475	100870705840	Vietinbank	2,789,000	Đặng Thị Phín	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
485	Nguyễn Đức Phán	52234	2312231074000	Agribank	2,770,000	Nguyễn Đức Phán	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
486	Nguyễn Hồng Quang	52150	2312231072243	Agribank	3,132,000	Nguyễn Hồng Quang	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
487	Nguyễn Văn Khanh	51075	2312231072809	Agribank	4,561,000	Nguyễn Văn Khanh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
488	Nguyễn Đức Tiếu	51073	2312231075603	Agribank	2,411,000	Nguyễn Đức Tiếu	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
489	Đặng Văn Hảo	51071	2312231080270	Agribank	2,236,000	Đặng Văn Hảo	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
490	Đặng Xuân Phước	51066	0363876052	MBV	3,040,000	Đặng Xuân Phước	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
491	Trần Đức Trọng	51065	2312231074261	Agribank	1,878,000	Trần Đức Trọng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
492	Nguyễn Anh Tuấn	50913	2312231074118	Agribank	1,878,000	Nguyễn Anh Tuấn	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
493	Nguyễn Tiến Quyên	46772	2312231072713	Agribank	2,144,000	Nguyễn Tiến Quyên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
494	Nguyễn Đình Soi	35213	2312231070701	Agribank	2,053,000	Nguyễn Đình Soi	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
495	Nguyễn Đức Trình	35183	2312231074160	Agribank	3,132,000	Nguyễn Đức Trình	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
496	Nguyễn Văn Khoa	33608	2312231071292	Agribank	2,589,000	Nguyễn Văn Khoa	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
497	Lê Quang Luyến	33605	2312231072368	Agribank	2,770,000	Lê Quang Luyến	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
498	Nguyễn Doãn Minh	33597	2312231071286	Agribank	2,589,000	Nguyễn Doãn Minh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%

499	Nguyễn Ngọc Thuần	25405	2312205235888	Agribank	2,862,000	Nguyễn Ngọc Thuần	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
500	Vũ Đức Thịnh	25356	2312231074051	Agribank	2,236,000	Vũ Đức Thịnh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
501	Nguyễn Thị Khoai	25140	2312231082095	Agribank	2,144,000	Nguyễn Ngọc Thiệp	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
502	Nguyễn Văn Thanh	24906	2312231072300	Agribank	2,770,000	Nguyễn Văn Thanh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
503	Trần Văn Thạch	24792	2312231079344	Agribank	2,236,000	Trần Văn Thạch	TB suy giảm KNLĐ 25%
504	Nguyễn Văn Thắp	24782	2312231082247	Agribank	1,878,000	Nguyễn Văn Thắp	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
505	Nguyễn Quang Sự	24034	2312231073978	Agribank	3,667,000	Nguyễn Quang Sự	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
506	Nguyễn Quang Sản	23830	2312205111701	Agribank	1,878,000	Nguyễn Quang Sản	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
507	Nguyễn Hữu Quỳnh	23509	2312205148225	Agribank	1,878,000	Nguyễn Hữu Quỳnh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
508	Nguyễn Tiến Nhưng	22903	2312231072867	Agribank	2,770,000	Nguyễn Tiến Nhưng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
509	Nguyễn Văn Ngợi	22625	2312231074022	Agribank	1,878,000	Nguyễn Văn Ngợi	TB suy giảm KNLĐ từ 25%
510	Nguyễn Thị Tâm	22462	2312215031390	Agribank	2,236,000	Nguyễn Tiến Ngạc	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
511	Nguyễn Duy Nội	22400	2312231072460	Agribank	1,878,000	Nguyễn Duy Nội	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
512	Nguyễn Quang Lâm	21390	2312231082565	Agribank	2,770,000	Nguyễn Quang Lâm	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
513	Nguyễn Ngọc Lâm	21388	2312231070760	Agribank	2,770,000	Nguyễn Ngọc Lâm	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
514	Nguyễn Ngọc Kiểm	21248	2312205022580	Agribank	3,132,000	Nguyễn Ngọc Kiểm	TB suy giảm KNLĐ từ 35%
515	Phạm Văn Khoản	21120	2312231081976	Agribank	2,770,000	Phạm Văn Khoản	TB suy giảm KNLĐ 31%
516	Nguyễn Văn Khẩn	21055	2312231082014	Agribank	2,770,000	Nguyễn Văn Khẩn	TB suy giảm KNLĐ 31%
517	Nguyễn Đình Khảm	20959	2312231070697	Agribank	2,770,000	Nguyễn Đình Khảm	TB suy giảm KNLĐ 31%
518	Nguyễn Đình Hoạt	20633	2312231071523	Agribank	1,878,000	Nguyễn Đình Hoạt	TB suy giảm KNLĐ từ 21%
519	Nguyễn Huy Hiên	20269	2312231074929	Agribank	2,236,000	Nguyễn Huy Hiên	TB suy giảm KNLĐ từ 25%

520	Vũ Ngọc Hội	20210	2312211420359	Agribank	1,969,000	Vũ Ngọc Hội	TB suy giảm KNLĐ 22
521	Lê Quang Duyến	19664	2312231074840	Agribank	1,878,000	Lê Quang Duyến	TB suy giảm KNLĐ 21%
522	Trần Công Duễ	19639	2312231074941	Agribank	2,770,000	Trần Công Duễ	TB suy giảm KNLĐ 31%
523	Nguyễn Doãn Chiều	19023	2312231072250	Agribank	2,053,000	Nguyễn Doãn Chiều	TB suy giảm KNLĐ từ 23%
524	Nguyễn Thanh Cẩy	18784	2312231082326	Agribank	4,382,000	Nguyễn Thanh Cẩy	TB suy giảm KNLĐ 49%
525	Nguyễn Đức Cảnh	18607	2312231074617	Agribank	3,667,000	Nguyễn Đức Cảnh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
526	Nguyễn Tiến Bình	18055	2312205022550	Agribank	1,878,000	Nguyễn Tiến Bình	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
527	Trương Đình Đức	17824	2312231071053	Agribank	2,053,000	Trương Đình Đức	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
528	Nguyễn Thế Đề	17724	2312231093844	Agribank	2,053,000	Nguyễn Thế Đề	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
529	Nguyễn Văn Điền	17664	2312231081789	Agribank	2,862,000	Nguyễn Văn Điền	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
530	Nguyễn Đắc Đối	17578	2312231075077	Agribank	1,878,000	Nguyễn Đắc Đối	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
531	Đặng Xuân Đơ	17320	2312231080090	Agribank	3,667,000	Đặng Xuân Đơ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
532	Đặng Văn Tú	25712	2312231074249	Agribank	3,667,000	Đặng Anh Tú	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
533	Nguyễn Đình Khanh	23661	2312249004191	Agribank	1,878,000	Nguyễn Đình Rật	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
534	Đặng Xuân Lảo	22357	2312231093821	Agribank	2,236,000	Đặng Văn Nảo	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
535	Nguyễn Đình Khanh	21024	2312249004191	Agribank	1,878,000	Nguyễn Đình Khanh	TB suy giảm KNLĐ 21%
536	Nguyễn Vân Trang	25280	2312215004562	Agribank	6,794,000	Nguyễn Đình Thừa	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
537	Đặng Văn Xuyên	26940	2312231080661	Agribank	5,450,000	Đặng Văn Xuyên	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
538	Nguyễn Văn Bang	900	2312205123486	Agribank	2,911,000	Nguyễn Duy Cận	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
539	Đàm Huy Kiệm	893	2312231070730	Agribank	2,911,000	Đàm Huy Kiệm	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
540	Nguyễn Văn Đẳng	892	2312231072532	Agribank	2,911,000	Nguyễn Văn Đẳng	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%

541	Nguyễn Đức Tiếu	891	2312231075603	Agribank	2,911,000	Nguyễn Đức Tiếu	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
542	Nguyễn Văn Nhu	742	2312231082043	Agribank	2,911,000	Nguyễn Văn Nhu	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
543	Nguyễn Văn Tuyên	741	2312231081766	Agribank	2,911,000	Nguyễn Văn Tuyên	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
544	Bùi Đình Thụ	901	2312231027646	Agribank	2,911,000	Bùi Đình Thụ	BB suy giảm KNLĐ từ 49%
545	Đặng Văn Nhật	899	2312231080757	Agribank	3,627,000	Đặng Văn Nhật	BB suy giảm KNLĐ từ 51-60%
546	Nguyễn Văn Điến	898	2312231079430	Agribank	3,627,000	Nguyễn Văn Điến	BB suy giảm KNLĐ từ 51-60%
547	Nguyễn Văn Khanh	32357	2312231072809	Agribank	4,622,000	Nguyễn Văn Khanh	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
548	Nguyễn Ngọc Tháu	32147	2312231082139	Agribank	4,622,000	Nguyễn Ngọc Tháu	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
549	Đặng Văn Hảo	31997	2312231080270	Agribank	4,622,000	Đặng Văn Hảo	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
550	Nguyễn Trọng Kim	31791	2312231079691	Agribank	4,622,000	Nguyễn Trọng Kim	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
551	Đặng Đức Chiến	31649	2312231093549	Agribank	4,622,000	Đặng Đức Chiến	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
552	Nguyễn Văn Năng	31067	2312231074885	Agribank	4,622,000	Nguyễn Văn Năng	BB suy giảm KNLĐ 61%
553	Đặng Xuân Phước	30806	0363876052	MBV	4,622,000	Đặng Xuân Phước	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
554	Trần Văn Hải	30637	2312231078420	Agribank	4,622,000	Trần Văn Hải	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
555	Nguyễn Hồng Quang	30517	2312231072243	Agribank	4,622,000	Nguyễn Hồng Quang	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
556	Phạm Thế Kỷ	30411	2312231081999	Agribank	4,622,000	Phạm Thế Kỷ	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
557	Nguyễn Hữu Quỳnh	30194	2312205148225	Agribank	4,622,000	Nguyễn Hữu Quỳnh	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
558	Nguyễn Đức Phán	30035	2312231074000	Agribank	4,622,000	Nguyễn Đức Phán	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
559	Nguyễn Nghi Chổn	29691	2312231074182	Agribank	4,622,000	Nguyễn Nghi Chổn	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
560	Nguyễn Tiến Viên	29632	2312231072453	Agribank	4,622,000	Nguyễn Tiến Viên	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
561	Nguyễn Quang Lâm	28714	2312231082565	Agribank	4,622,000	Nguyễn Quang Lâm	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%

562	Nguyễn Đức Đệ	28542	2312205423351	Agribank	4,622,000	Nguyễn Đức Đệ	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
563	Nguyễn Đức Cảnh	28535	2312231074617	Agribank	4,622,000	Nguyễn Đức Cảnh	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
564	Phạm Thế Giang	744	2312231081579	Agribank	4,622,000	Phạm Thế Giang	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
565	Vũ Thị Sáu	30281	0398135928	Vietinbank	4,622,000	Vũ Ngọc Thoảng	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
566	Nguyễn Trọng Toàn	29989	2312205198007	Agribank	4,622,000	Nguyễn Trọng Toàn	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
567	Nguyễn Thiên Thiềm	27729	2312231093692	Agribank	5,329,000	Nguyễn Thiên Thiềm	BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%
568	Nguyễn Doãn Chiều	27668	2312231072250	Agribank	5,329,000	Nguyễn Doãn Chiều	BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%
569	Nguyễn Ngọc Thuần	27601	2312205235888	Agribank	5,329,000	Nguyễn Ngọc Thuần	BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%
570	Nguyễn Viết Quả	27339	2312231075632	Agribank	5,329,000	Nguyễn Viết Quả	BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%
571	Phạm Xuân Sứ	41923	2312205274193	Agribank	7,777,000	Phạm Xuân Sứ	BB suy giảm KNLĐ từ 81-90%
572	Đặng Văn Xuyền	14564	2312231093771	Agribank	2,280,000	Đặng Văn Xuyền	TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%
573	Nguyễn Văn Phạn	14561	2312231075048	Agribank	2,646,000	Nguyễn Văn Phạn	TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%
574	Nguyễn Viết Thiệu	14560	2312231073961	Agribank	2,577,000	Nguyễn Viết Thiệu	TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%
575	Đặng Xuân Năm	42549	2312231080518	Agribank	2,789,000	Vũ Thị Nữ	Tuất 1 liệt sỹ
576	Trần Văn Thiềng	33731	2312231079469	Agribank	2,789,000	Bùi Thị Biện	Tuất 1 liệt sỹ
577	Trần Văn Thiềng	33730	2312231079469	Agribank	2,789,000	Trần Văn Thiềng	Tuất 1 liệt sỹ
578	Bùi Thị Thương	8482	2312231093611	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Đói	Tuất 1 liệt sỹ
579	Nguyễn Thị Kim	8476	2312231093634	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Kim	Tuất 1 liệt sỹ
580	Lê Thị Nguyệt Minh	8469	103881695173	Vietinbank	2,789,000	Nguyễn Thị Huấn	Tuất 1 liệt sỹ
581	Nguyễn Thị Định	8462	2312231073990	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Định	Tuất 1 liệt sỹ
582	Nguyễn Thị Tảo	8454	2312231070680	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Tảo	Tuất 1 liệt sỹ

583	Nguyễn Thị Tịnh	8452	2312231070639	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Tịnh	Tuất 1 liệt sỹ
584	Nguyễn Thị Kiên	8449	2312231074580	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Kiên	Tuất 1 liệt sỹ
585	Lê Quang Luyến	8446	2312231072368	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Nền	Tuất 1 liệt sỹ
586	Nguyễn Thị Bích Liên	8445	2312231072289	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Tía	Tuất 1 liệt sỹ
587	Nguyễn Thị Đan	8442	2312231070645	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Đan	Tuất 1 liệt sỹ
588	Phùng Thị Hạnh	8439	2312231075480	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Thắm	Tuất 1 liệt sỹ
589	Nguyễn Thị Lanh	8436	2312231071060	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Lanh	Tuất 1 liệt sỹ
590	Nguyễn Ngọc Tuấn	8433	2312231072295	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Khâm	Tuất 1 liệt sỹ
591	Phạm Thị Hạ	7708	2312231081743	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Cẩm	Tuất 1 liệt sỹ
592	Phạm Thị Tơ	7707	2312205017600	Agribank	2,789,000	Trương Thị Đan	Tuất 1 liệt sỹ
593	Phùng Văn Bề	7701	2312231081953	Agribank	2,789,000	Phạm Thị La	Tuất 1 liệt sỹ
594	Phạm Văn Núi	7700	2312231081556	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Gắn	Tuất 1 liệt sỹ
595	Phạm Văn Núi	7694	2312231081556	Agribank	2,789,000	Phạm Văn Cao	Tuất 1 liệt sỹ
596	Phạm Thị Tươi	7691	2312215030346	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Nhạn	Tuất 1 liệt sỹ
597	Phạm Thị Đáng	7687	2312231081419	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Đáng	Tuất 1 liệt sỹ
598	Nguyễn Thị Nga	7686	1230021995	Vietcombank	2,789,000	Nguyễn Thị Thanh	Tuất 1 liệt sỹ
599	Phạm Đức Bẩy	7685	2312205069105	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Tư	Tuất 1 liệt sỹ
600	Nguyễn Thị Ân	7690	2312231071598	Agribank	2,789,000	Đoàn Thị Ân	Tuất 1 liệt sỹ
601	Phạm Thị Vần	7692	2312231081612	Agribank	5,020,000	Phạm Thị Bít	Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND
602	Nguyễn Duy Bộ	42406	2312205041062	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Kim	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
603	Đồng Xuân Hoàn	42188	2312205316105	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Quanh	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác

604	Nguyễn Thị Ngụ	42049	2312231070493	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Ngụ	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
605	Nguyễn Duy Đồng	40575	2312205335390	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Hòa	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
606	Nguyễn Thị Thì	8471	2312231080350	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Thì	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
607	Đặng Văn Thuấn	8467	2312205146729	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Sợi	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
608	Nguyễn Thị Nghi	8461	2312231070747	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Nghi	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
609	Trần Văn Tâm	7684	2312205197532	Agribank	2,789,000	Phùng Thị Nhung	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
610	Nguyễn Thị Diễn	49864	2312231073824	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Diễn	Tuất cán bộ TKN hưởng ĐXCB
611	Nguyễn Thị Thoán	52932	2312231079610	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Thoán	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
612	Phùng Thị Hạnh	42397	2312231072640	Agribank	1,565,000	Phùng Thị Hạnh	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
613	Đặng Thị Thuật	14937	2312249008679	Agribank	1,565,000	Đăng Thị Thuật	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
614	Phùng Thị Dụng	46299	2312231071018	Agribank	1,565,000	Phùng Thị Dụng	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
615	Nguyễn Thị Tánh	25369	2312231073984	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Tánh	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
616	Nguyễn Thị Khuê	35900	2312231093713	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Khuê	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
617	Trần Thị Sen	33884	2312231073780	Agribank	1,565,000	Trần Thị Sen	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
618	Đặng Thị Giang	51063	2312231002718	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Sò	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
619	Nguyễn Thị Hải	15488	3403205385765	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Hải	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
620	Đồng Thị Tẹo	53320	2312205290749	Agribank	1,565,000	Đồng Thị Tẹo	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
621	Trần Thị Dã	46278	2312231071660	Agribank	1,565,000	Trần Thị Dã	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
622	Nguyễn Thị Tích	49013	2312231081720	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Tích	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
623	Nguyễn Tiến Hỗ	48952	2312231072339	Agribank	1,565,000	Nguyễn Tiến Hỗ	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
624	Phạm Xuân Sứ		2312205274193	Agribank	2,789,000	Phạm Xuân Cường	Người phục vụ BB từ 81% trở lên ở gia đình

625	Nguyễn Huy Lợi	50258	2312231075820	Agribank	2,120,000	Nguyễn Huy Lợi	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
626	Nguyễn Văn Minh	50150	7702233113	Vietcombank	2,120,000	Dịp Xay Vồ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
627	Đặng Xuân Lảo	49771	2312231093821	Agribank	2,120,000	Đặng Xuân Lảo	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
628	Trần Đức Trọng	46206	2312231074261	Agribank	2,120,000	Trần Đức Trọng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
629	Nguyễn Tiến Bình	45918	2312205022550	Agribank	2,120,000	Nguyễn Tiến Bình	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
630	Trần Công Duễ	53171	2312231074941	Agribank	2,120,000	Trần Công Duễ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
631	Nguyễn Thị Khoai	45514	2312231082095	Agribank	3,542,000	Nguyễn Ngọc Thiệp	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
632	Nguyễn Thế Thích	44797	2312231080728	Agribank	3,542,000	Nguyễn Thế Thích	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
633	Đặng Xuân Lai	41546	2312231079640	Agribank	3,542,000	Đặng Xuân Lai	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
634	Phạm Văn Khoản	39916	2312231081976	Agribank	3,542,000	Phạm Văn Khoản	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
635	Nguyễn Hồng Quân	37767	2312231073695	Agribank	3,542,000	Nguyễn Hồng Quân	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
636	Lê Ngọc Điềm	37766	2312231071625	Agribank	3,542,000	Lê Ngọc Điềm	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
637	Nguyễn Ngọc Khen	37765	2312231071149	Agribank	3,542,000	Nguyễn Ngọc Khen	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
638	Nguyễn Tiến Hóa	37764	2312231072418	Agribank	3,542,000	Nguyễn Tiến Hóa	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
639	Nguyễn Tiến Kiệm	37763	2312205090879	Agribank	3,542,000	Nguyễn Tiến Kiệm	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
640	Nguyễn Đắc Cứu	37762	2312231074652	Agribank	3,542,000	Nguyễn Đắc Cứu	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
641	Nguyễn Anh Tuấn	37760	2312231074118	Agribank	3,542,000	Nguyễn Anh Tuấn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
642	Trần Văn Viết	37758	079408110001	LPBank	3,542,000	Trần Văn Viết	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
643	Nguyễn Huy Oanh	37757	2312231074284	Agribank	3,542,000	Nguyễn Huy Oanh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
644	Nguyễn Ngọc Tám	37755	2312231076011	Agribank	3,542,000	Nguyễn Ngọc Tám	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
645	Nguyễn Thị Liên	37753	2312231072578	Agribank	3,542,000	Nguyễn Tiến Ý	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%

646	Nguyễn Thị Thu Thủy	37752	2312231072549	Agribank	3,542,000	Nguyễn Xuân Gắn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
647	Nguyễn Đình Soi	37751	2312231070701	Agribank	3,542,000	Nguyễn Đình Soi	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
648	Trần Công Hùng	37749	2312231074459	Agribank	3,542,000	Trần Công Hùng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
649	Phạm Thị Ban	37701	0341006939619	Vietcombank	3,542,000	Phạm Thành Lĩnh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
650	Phùng Thị Tuyết Ánh	37700	106572606666	Viettinbank	3,542,000	Phạm Văn Nhắc	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
651	Nguyễn Thị Đào	33234	2312231070782	Agribank	3,542,000	Nguyễn Văn Huệ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
652	Bùi Ngọc Thống	33176	2312231078262	Agribank	3,542,000	Bùi Ngọc Thống	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
653	Đặng Xuân Duyên	33175	2312231078329	Agribank	3,542,000	Đặng Xuân Duyên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
654	Nguyễn Ngọc Tháu	32816	2312231082139	Agribank	3,542,000	Nguyễn Ngọc Tháu	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
655	Nguyễn Huy Hiên	32809	2312231074929	Agribank	3,542,000	Nguyễn Huy Hiên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
656	Nguyễn Văn Khẩn	32648	2312231082014	Agribank	3,542,000	Nguyễn Văn Khẩn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
657	Phạm Thế Kỷ	32646	2312231081999	Agribank	3,542,000	Phạm Thế Kỷ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
658	Trương Đình Đức	14208	2312231071053	Agribank	3,542,000	Trương Đình Đức	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
659	Nguyễn Đình Ngấn	38685	2312231071530	Agribank	4,964,000	Nguyễn Đình Ngấn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%
660	Doãn Tiến Dũng	38673	2312231027681	Agribank	4,964,000	Doãn Tiến Dũng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%
661	Nguyễn Thế Đề	38647	2312231093844	Agribank	4,964,000	Nguyễn Thế Đề	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%
662	Đặng Văn Ngọ	38646	2312231079498	Agribank	4,964,000	Đặng Văn Ngọ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%
663	Phạm Văn Thượng	38645	2312231081897	Agribank	4,964,000	Phạm Văn Thượng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%
664	Phạm Văn Núi	38644	2312231081556	Agribank	4,964,000	Phạm Huy Thiều	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%
665	Nguyễn Thị Liên	2529	2312215007026	Agribank	1,673,000	Nguyễn Thị Liên	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
666	Trần Công Lành	2526	2312231074357	Agribank	1,673,000	Trần Công Lành	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%

667	Nguyễn Thị Đào	2462	2312231070782	Agribank	1,673,000	Nguyễn Thị Dơn	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
668	Phạm Văn Núi	3277	2312231081556	Agribank	1,673,000	Phạm Huy Núi	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
669	Nguyễn Hữu Quỳnh	2531	2312205148225	Agribank	1,673,000	Đặng Thị Bình	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
670	Đặng Văn Nhật	2528	2312231080757	Agribank	1,673,000	Nguyễn Thị Hải	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
671	Phạm Thị Ban	2463	0341006939619	Vietcombank	2,789,000	Phạm Thị Mây	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên
672	Nguyễn Duy Nội	41798	2312231072460	Agribank	1,673,000	Nguyễn Duy Nội	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
673	Nguyễn Ngọc Lâm	36975	2312231070760	Agribank	1,673,000	Nguyễn Ngọc Lâm	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
674	Nguyễn Văn Đẳng	36960	2312231072532	Agribank	1,673,000	Nguyễn Văn Đẳng	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
675	Lê Mạnh Quỳnh	36958	2312215011516	Agribank	1,673,000	Nguyễn Hữu Tuế	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
676	Nguyễn Duy Tỉu	36957	2312231074993	Agribank	1,673,000	Nguyễn Duy Tỉu	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
677	Nguyễn Tiến Nhưng	36956	2312231072867	Agribank	1,673,000	Nguyễn Thị Tường	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
678	Nguyễn Thiên Thiềm	36893	2312231093692	Agribank	1,673,000	Nguyễn Thiên Thiềm	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
679	Nguyễn Quang Sự	36953	2312231073978	Agribank	1,673,000	Nguyễn Xuân Sự	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
680	Nguyễn Văn Bình	34760	2312205379061	Agribank	2,838,000	Nguyễn Văn Bình	Quân nhân xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT
681	Nguyễn Thế Trí	54131	9389534197	Vietcombank	2,966,000	Nguyễn Thế Vết	Quân nhân xuất ngũ từ 16 đến dưới 17 năm CT
682	Đinh Văn Sang	47044	8893642970	BIDV	1,565,000	Bùi Thị Thuấn (tăng mới tháng 9)	Tuất bệnh binh 61% trở lên
683	Bùi Thế Lộc	47045	2312205138188	Agribank	2,120,000	Bùi Thế Lộc	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
684	Nguyễn Thiện Đảm	34788	1062598714	Vietcombank	2,120,000	Nguyễn Thiện Đảm	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
685	Lê Quang Duyến	47139	2312231074840	Agribank	2,120,000	Lê Quang Duyến	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
686	Nguyễn Trọng Phường	47138	2312231072237	Agribank	2,770,000	Nguyễn Trọng Phường	Thương binh suy giảm KNLĐ từ 21%-61%
687	Nguyễn Doãn Bắc	47191	9867194851	Vietcombank	2,236,000	Nguyễn Doãn Bắc	Thương binh suy giảm KNLĐ từ 21%-61%

688	Nguyễn Thị Thu	47140	8867385212	BIDV	1,565,000	Nguyễn Thị Thu	Tuất thương bệnh binh 61% trở lên
689	Nguyễn Đắc Đối	47266	2312231075077	Agribank	2,120,000	Nguyễn Đắc Đối	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
690	Phạm Trung Lập	47267	2312205275217	Agribank	2,120,000	Phạm Trung Lập	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
691	Bùi Thị Mùa	2534	2312205448708	Agribank	1,673,000	Bùi Thị Mùa	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
692	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	47437	0301000404727	Vietcombank	2,120,000	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
693	Phạm Thanh Chỉnh	47436	2312205145959	Agribank	2,120,000	Phạm Thanh Chỉnh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
694	Nguyễn Văn Chinh	47596	2312249008974	Agribank	2,120,000	Nguyễn Văn Hoan	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
695	Nguyễn Văn Hoan	47597	2312231076460	Agribank	2,120,000	Nguyễn Thế Võ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
696	Nguyễn Thế Trường	47265	2312205445593	Agribank	2,120,000	Nguyễn Văn Chinh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
697	Đặng Văn Sơn	47780	2312231135090	Agribank	2,120,000	Đặng Văn Quyết	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
698	Nguyễn đức Huân	47778	12366889999	MB	2,120,000	Nguyễn Công Hoan	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
699	Nguyễn Hữu Yên	47779	2312249009607	Agribank	2,120,000	Nguyễn Hữu Yên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
					2,143,787,000		

Tổng số người: 699 người
Tổng số tiền: 2.143.787.000 đồng
Bằng chữ: Hai tỷ một trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng.

Chí minh, ngày 05 tháng 10 năm 2026

Người lập danh sách

Trần Thị Loan

KT, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Anh Tuấn



Tăng điều chỉnh

Tăng điều chỉnh

Tăng điều chỉnh

Tăng điều chỉnh

Tăng điều chỉnh

Tăng điều chỉnh

Tăng điều chỉnh

Tăng điều chỉnh

Tăng điều chỉnh

TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%				**467,675,000**
1	Đặng Văn Ân	17220	30	2,683,000
2	Phạm Văn Ba	18201	21	1,878,000
3	Nguyễn Doãn Bắc	47191	25	2,236,000
4	Nguyễn Văn Bạc	18168	22	1,969,000
5	Nguyễn Văn Bãnh	18153	31	2,770,000
6	Nguyễn Văn Bền	18418	24	2,144,000
7	Nguyễn Thanh Bình	33692	21	1,878,000
8	Nguyễn Tiến Bình	18055	21	1,878,000
9	Nguyễn Văn Bình	18061	45	4,024,000
10	Nguyễn Văn Bưởng	18314	51	4,561,000
11	Nguyễn Văn Ca	18634	25	2,236,000
12	Nguyễn Đức Cảnh	18607	41	3,667,000
13	Nguyễn Thanh Cẩy	18784	49	4,382,000
14	Nguyễn Kim Cồng	18664	35	3,132,000
15	Nguyễn Văn Công	18545	21	1,878,000
16	Nguyễn Văn Chanh	18867	21	1,878,000
17	Phạm Thanh Chì	18800	23	2,053,000
18	Phạm Xuân Chiến	35185	25	2,236,000
19	Nguyễn Doãn Chiều	19023	23	2,053,000
20	Nguyễn Xuân Chiều	19025	23	2,053,000
21	Phạm Xuân Choang	52608	31	2,770,000

22	Nguyễn Đình Chúc	19058	31	2,770,000
23	Vũ Công Chúc	19063	31	2,770,000
24	Phạm Văn Chuộng	52609	45	4,024,000
25	Đàm Huy Chuộng	19131	35	3,132,000
26	Nguyễn Văn Chuyền	19193	23	2,053,000
27	Trần Công Duễ	19639	31	2,770,000
28	Nguyễn Hữu Dũng	19531	45	4,024,000
29	Nguyễn Trung Dũng	33621	23	2,053,000
30	Lê Quang Duyến	19664	21	1,878,000
31	Ngô Bá Đàm	17344	21	1,878,000
32	Nguyễn Thế Đề	17724	23	2,053,000
33	Nguyễn Văn Điền	17664	32	2,862,000
34	Phạm Văn Điền	17665	23	2,053,000
35	Vũ Mạnh Điền	17667	25	2,236,000
36	Phan Trọng Đỗ	17550	21	1,878,000
37	Nguyễn Đắc Đối	17578	21	1,878,000
38	Đặng Xuân Đơ	17320	41	3,667,000
39	Đặng Minh Đức	17786	25	2,236,000
40	Trương Đình Đức	17824	23	2,053,000
41	Đặng Văn Đường	45984	23	2,053,000
42	Phạm Xuân Gọi	19699	25	2,236,000

43	Trần Văn Hạc	20060	21	1,878,000
44	Nguyễn Minh Hải	19991	51	4,561,000
45	Đặng Xuân Hạm	20062	41	3,667,000
46	Phạm Thế Hãn	33616	29	2,589,000
47	Phạm Văn Hằng	19841	21	1,878,000
48	Phạm Văn Hánh	19831	21	1,878,000
49	Đặng Văn Hảo	51071	25	2,236,000
50	Nguyễn Huy Hiên	20269	25	2,236,000
51	Nguyễn Công Hoan	20671	31	2,770,000
52	Nguyễn Văn Hoan	20679	21	1,878,000
53	Nguyễn Đình Hoạt	20633	21	1,878,000
54	Vũ Ngọc Hội	20210	22	1,969,000
55	Chu Xuân Hồng	20137	21	1,878,000
56	Nguyễn Thanh Hồng	20148	21	1,878,000
57	Nguyễn Tiến Hữu	19848	21	1,878,000
58	Nguyễn Văn Huyên	20819	21	1,878,000
59	Phạm Văn Hý	20853	23	2,053,000
60	Nguyễn Ngọc Kiểm	21248	35	3,132,000
61	Phạm Xuân Kiểm	21251	41	3,667,000
62	Nguyễn Đình Khảm	20959	31	2,770,000
63	Nguyễn Văn Khẩn	21055	31	2,770,000

64	Nguyễn Đình Khanh	21024	21	1,878,000
65	Nguyễn Hồng Khanh	21028	24	2,144,000
66	Nguyễn Văn Khanh	51075	51	4,561,000
67	Nguyễn Văn Khoa	33608	29	2,589,000
68	Phạm Văn Khoản	21120	31	2,770,000
69	Phạm Văn Lập	21602	41	3,667,000
70	Nguyễn Trung Lập	33420	41	3,667,000
71	Nguyễn Ngọc Lâm	21388	31	2,770,000
72	Nguyễn Quang Lâm	21390	31	2,770,000
73	Trần Công Lệ	21772	41	3,667,000
74	Phạm Ngọc Liễn	21715	27	2,411,000
75	Phạm Thị Liên	21634	22	1,969,000
76	Nguyễn Thiện Linh	21705	21	1,878,000
77	Bùi Thế Lộc	21549	41	3,667,000
78	Nguyễn Ngọc Long	21822	23	2,053,000
79	Phạm Văn Luân	21901	22	1,969,000
80	Trần Anh Lựu	51276	22	1,969,000
81	Lê Quang Luyến	33605	31	2,770,000
82	Phạm Ngọc Lượng	21693	21	1,878,000
83	Nguyễn Văn Mẫn	22108	27	2,411,000
84	Phạm Xuân Mẫn	22109	21	1,878,000

85	Phạm Quang Mát	42633	21	1,878,000
86	Phạm Xuân Mềm	22257	31	2,770,000
87	Nguyễn Thanh Miện	22233	21	1,878,000
88	Nguyễn Doãn Minh	33597	29	2,589,000
89	Phạm Xuân Mộc	22090	21	1,878,000
90	Nguyễn Văn Mùa	22145	41	3,667,000
91	Bùi Sỹ Mỳ	22292	21	1,878,000
92	Đăng Văn Nảo	22357	25	2,236,000
93	Nguyễn Văn Nẹt	22986	22	1,969,000
94	Nguyễn Duy Nội	22400	21	1,878,000
95	Nguyễn Tiến Ngạc	22462	25	2,236,000
96	Nguyễn Văn Nghị	22590	41	3,667,000
97	Nguyễn Văn Ngợi	22625	21	1,878,000
98	Phạm Huy Nhàng	33588	30	2,683,000
99	Bùi Xuân Nhị	22914	38	3,399,000
100	Phạm Văn Nhớn	22882	55	4,918,000
101	Nguyễn Tiến Nhưng	22903	31	2,770,000
102	Phạm Tuấn Oanh	23022	31	2,770,000
103	Nguyễn Đức Phán	52234	31	2,770,000
104	Trần Văn Phận	23187	31	2,770,000
105	Trần Mạnh Phi	23205	31	2,770,000

106	Nguyễn Xuân Phiến	23250	36	3,217,000
107	Vũ Văn Phiệu	50698	24	2,144,000
108	Phạm Văn Phú	23279	31	2,770,000
109	Đặng Xuân Phước	51066	34	3,040,000
110	Nguyễn Trọng Phường	47138	31	2,770,000
111	Nguyễn Hồng Quang	52150	35	3,132,000
112	Phạm Tuấn Quang	52991	31	2,770,000
113	Nguyễn Văn Quánh	23369	41	3,667,000
114	Đinh Văn Quý	23538	25	2,236,000
115	Vũ Văn Quyết	23640	31	2,770,000
116	Nguyễn Tiến Quyên	46772	24	2,144,000
117	Nguyễn Hữu Quỳnh	23509	21	1,878,000
118	Trương Văn Rẩn	23658	21	1,878,000
119	Nguyễn Đình Rật	23661	21	1,878,000
120	Phạm Văn Rõ	23652	22	1,969,000
121	Nguyễn Huy Sách	23674	23	2,053,000
122	Nguyễn Quang Sản	23830	21	1,878,000
123	Nguyễn Đình Soi	35213	23	2,053,000
124	Trương Khắc Sợi	23911	42	3,753,000
125	Phạm Văn Sơ	23742	30	2,683,000
126	Nguyễn Công Sử	51277	21	1,878,000

127	Nguyễn Quang Sự	24034	41	3,667,000
128	Nguyễn Đăng Sung	53366	23	2,053,000
129	Trương Bá Sững	52153	21	1,878,000
130	Chu Văn Tập	24444	25	2,236,000
131	Nguyễn Văn Tân	24210	45	4,024,000
132	Phạm Văn Tẽo	25599	41	3,667,000
133	Phạm Vũ Tiến	40759	21	1,878,000
134	Nguyễn Đức Tiếu	51073	27	2,411,000
135	Bùi Văn Tim	36344	21	1,878,000
136	Phạm Văn Tịnh	35206	29	2,589,000
137	Phạm Văn Tổng	36108	25	2,236,000
138	Phạm Trung Tơi	24246	41	3,667,000
139	Nguyễn Trung Tơn	24240	59	5,277,000
140	Đăng Anh Tú	25712	41	3,667,000
141	Phạm Hữu Tứ	25742	23	2,053,000
142	Phạm Quang Tự	26173	35	3,132,000
143	Nguyễn Anh Tuấn	50913	21	1,878,000
144	Đinh Văn Tung	26265	21	1,878,000
145	Nguyễn Văn Tung	26267	25	2,236,000
146	Phạm Thanh Tùng	25587	21	1,878,000
147	Nguyễn Văn Tương	42173	21	1,878,000

148	Trần Văn Thạch	24792	25	2,236,000
149	Hà Văn Thái	24495	41	3,667,000
150	Nguyễn Xuân Thầm	35870	41	3,667,000
151	Cao Doãn Thắng	35176	21	1,878,000
152	Nguyễn Văn Thanh	24906	31	2,770,000
153	Phạm Ngọc Thanh	24917	25	2,236,000
154	Phạm Văn Thạnh	52237	22	1,969,000
155	Nguyễn Tiến Thảo	24723	45	4,024,000
156	Nguyễn Văn Thạo	24803	51	4,561,000
157	Nguyễn Văn Thắp	24782	21	1,878,000
158	Nguyễn Ngọc Thiệp	25140	24	2,144,000
159	Đặng Duy Thiết	25145	21	1,878,000
160	Vũ Đức Thịnh	25356	25	2,236,000
161	Đặng Văn Thoa	25270	25	2,236,000
162	Nguyễn Ngọc Thuần	25405	32	2,862,000
163	Nguyễn Hữu Thuân	25381	25	2,236,000
164	Vũ Văn Thức	25315	21	1,878,000
165	Nguyễn Viết Thức	52540	21	1,878,000
166	Nguyễn Đức Thưa	25362	21	1,878,000
167	Phạm Xuân Thưởng	25031	25	2,236,000
168	Nguyễn Đức Trình	35183	35	3,132,000

169	Trần Đức Trọng	51065	21	1,878,000
170	Phạm Văn Trọng	25963	25	2,236,000
171	Phạm Xuân Trước	1954	28	2,505,000
172	Nguyễn Thiên Trược	51182	22	1,969,000
173	Phạm Xuân Trường	26012	27	2,411,000
174	Vũ Xuân Trường	26019	41	3,667,000
175	Nguyễn Thế Trương	25910	25	2,236,000
176	Đặng Văn Vinh	26613	29	2,589,000
177	Nguyễn Xuân Vở	26554	21	1,878,000
178	Nguyễn Thế Vững	26467	21	1,878,000
179	Nguyễn Văn Vượng	33619	21	1,878,000
180	Vũ Văn Vương	49485	23	2,053,000
181	Vũ Văn Vương	26499	41	3,667,000
182	Phạm Văn Xê	26873	21	1,878,000
183	Phạm Thanh Xuấn	26933	45	4,024,000
TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%				**70,512,000**
1	Nguyễn Văn Cải	18596	61	5,450,000
2	Trần Văn Chuốt	19136	71	6,343,000
3	Vũ Đình Lập	21605	61	5,450,000
4	Phạm Đức Nghìn	22532	72	6,436,000
5	Phạm Văn Phận	23186	61	5,450,000

6	Phạm Văn Sình	23724	68	6,081,000
7	Nguyễn Đình Sơn	23772	61	5,450,000
8	Nguyễn Văn Tiến	25651	75	6,708,000
9	Nguyễn Thế Thoả	25251	61	5,450,000
10	Nguyễn Đình Thừa	25280	76	6,794,000
11	Nguyễn Văn Trung	19152	61	5,450,000
12	Đặng Văn Xuyên	26940	61	5,450,000
TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên				**43,733,000**
1	Nguyễn Văn Hoàng	16877	82	8,731,000
2	Phạm Xuân Hồng	16868	81	8,639,000
3	Nguyễn Thiên Phế	16983	86	9,085,000
4	Phạm Văn Sáng	16999	81	8,639,000
5	Nguyễn Đình Tảo	17016	81	8,639,000
TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên có VT ĐB nặng				**21,108,000**
1	Phạm Văn Bạo	16676	91	11,001,000
2	Đàm Xuân Đạo	16666	81	10,107,000
BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%				**69,864,000**
1	Nguyễn Duy Cận	900	41	2,911,000
2	Nguyễn Văn Cờ	934	41	2,911,000
3	Nguyễn Ngọc Chữ	708	41	2,911,000
4	Nguyễn Công Chức	940	41	2,911,000

5	Nguyễn Đức Diệu	935	41	2,911,000
6	Bùi Huy Duyên	938	41	2,911,000
7	Trần Văn Dương	931	41	2,911,000
8	Nguyễn Văn Đẳng	892	41	2,911,000
9	Đàm Huy Kiệm	893	41	2,911,000
10	Đinh Công Khảm	897	41	2,911,000
11	Nguyễn Ngọc Lúa	942	41	2,911,000
12	Nguyễn Văn Nhu	742	41	2,911,000
13	Nguyễn Văn Nhượng	937	41	2,911,000
14	Trần Ngọc Oanh	936	41	2,911,000
15	Trần Văn Phận	902	41	2,911,000
16	Phạm Xuân Tèn	707	41	2,911,000
17	Nguyễn Đức Tiếu	891	41	2,911,000
18	Vũ Văn Toàn	927	41	2,911,000
19	Nguyễn Xuân Tuy	939	41	2,911,000
20	Nguyễn Văn Tuyên	741	41	2,911,000
21	Bùi Đình Thụ	901	49	2,911,000
22	Phạm Công Vinh	932	41	2,911,000
23	Nguyễn Thế Vững	929	41	2,911,000
24	Trần Văn Xuyến	896	45	2,911,000
BB suy giảm KNLĐ từ 51-60%				**14,508,000**

1	Phạm Văn Cước	709	51	3,627,000
2	Nguyễn Văn Điến	898	51	3,627,000
3	Đăng Văn Nhật	899	55	3,627,000
4	Bùi Xuân Tuyển	930	56	3,627,000
BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%				**397,492,000**
1	Nguyễn Đức Bền	28846	65	4,622,000
2	Đỗ Quang Biện	30120	61	4,622,000
3	Phạm Như Bột	29951	61	4,622,000
4	Nguyễn Đức Cảnh	28535	68	4,622,000
5	Nguyễn Ngọc Châu	31847	61	4,622,000
6	Đăng Đức Chiến	31649	61	4,622,000
7	Phạm Xuân Choang	30028	61	4,622,000
8	Nguyễn Nghi Chổn	29691	61	4,622,000
9	Nguyễn Văn Chủ	29509	61	4,622,000
10	Phạm Văn Chuộng	30364	61	4,622,000
11	Trần Văn Diện	28500	70	4,622,000
12	Vũ Tiến Dũng	941	67	4,622,000
13	Nguyễn Văn Dương	28532	68	4,622,000
14	Vũ Xuân Đãi	28507	69	4,622,000
15	Nguyễn Đức Đệ	28542	68	4,622,000
16	Vũ Mạnh Điền	31917	61	4,622,000

17	Nguyễn Đức Điểu	30097	61	4,622,000
18	Ngô Bá Định	28658	65	4,622,000
19	Phạm Văn Đồi	31228	61	4,622,000
20	Đặng Xuân Đương	28734	65	4,622,000
21	Phạm Thế Giang	744	65	4,622,000
22	Trần Văn Hải	30637	61	4,622,000
23	Đặng Văn Hảo	31997	61	4,622,000
24	Nguyễn Đình Hậu	31792	61	4,622,000
25	Đàm Xuân Hiếu	30755	61	4,622,000
26	Nguyễn Quang Hoà	28824	65	4,622,000
27	Phạm Văn Huỳnh	31662	61	4,622,000
28	Nguyễn Trọng Kim	31791	61	4,622,000
29	Phan Văn Kính	30756	61	4,622,000
30	Phạm Thế Kỷ	30411	61	4,622,000
31	Vũ Đình Kha	31512	61	4,622,000
32	Nguyễn Văn Khanh	32357	61	4,622,000
33	Phạm Văn Khoái	32155	61	4,622,000
34	Đỗ Xuân Lánh	29857	61	4,622,000
35	Nguyễn Quang Lâm	28714	65	4,622,000
36	Phạm Ngọc Lâm	31901	61	4,622,000
37	Nguyễn Ngọc Lân	30952	61	4,622,000

38	Nguyễn Thị Liễu	29036	62	4,622,000
39	Nguyễn Thiên Liệu	29797	61	4,622,000
40	Nguyễn Tiến Lục	31758	61	4,622,000
41	Phạm Văn Lưởng	31576	61	4,622,000
42	Trần Duy Miềng	28804	65	4,622,000
43	Phạm Văn Mức	35998	61	4,622,000
44	Nguyễn Văn Năng	31067	61	4,622,000
45	Ngô Văn Nỉn	30242	61	4,622,000
46	Lê Hồng Ngát	30278	61	4,622,000
47	Phạm Văn Ngợi	32181	61	4,622,000
48	Nguyễn Tiến Nhinh	28815	65	4,622,000
49	Vũ Văn Nhọ	29030	63	4,622,000
50	Nguyễn Văn Nhu	29011	63	4,622,000
51	Đặng Xuân Nhứ	894	65	4,622,000
52	Trương Công Oánh	743	62	4,622,000
53	Nguyễn Đức Phán	30035	61	4,622,000
54	Hoàng Quang Phát	30288	61	4,622,000
55	Nguyễn Văn Phinh	32304	61	4,622,000
56	Phạm Văn Phong	32422	61	4,622,000
57	Đặng Xuân Phước	30806	61	4,622,000
58	Nguyễn Hồng Quang	30517	61	4,622,000

59	Đặng Văn Quảng	32413	61	4,622,000
60	Nguyễn Xuân Quy	30063	61	4,622,000
61	Nguyễn Thị Quyên	29287	61	4,622,000
62	Nguyễn Hữu Quỳnh	30194	61	4,622,000
63	Nguyễn Huy Sách	28632	65	4,622,000
64	Nguyễn Trọng Toàn	29989	61	4,622,000
65	Nguyễn Đức Toản	30741	61	4,622,000
66	Phan Thanh Tùng	31834	61	4,622,000
67	Vũ Đình Tuyên	31533	61	4,622,000
68	Nguyễn Đại Thắng	28941	64	4,622,000
69	Phạm Văn Thảo	31714	61	4,622,000
70	Phạm Văn Thau	29029	63	4,622,000
71	Nguyễn Văn Tháu	32402	65	4,622,000
72	Nguyễn Ngọc Tháu	32147	61	4,622,000
73	Phạm Xuân Thi	32238	61	4,622,000
74	Phạm Xuân Thích	31243	61	4,622,000
75	Vũ Ngọc Thoảng	30281	61	4,622,000
76	Vũ Xuân Thô	933	61	4,622,000
77	Nguyễn Viết Thức	29758	61	4,622,000
78	Nguyễn Đức Thưa	30218	61	4,622,000
79	Vũ Xuân Trân	32062	61	4,622,000

80	Phạm Văn Trự	31916	61	4,622,000
81	Phạm Xuân Trước	28637	65	4,622,000
82	Nguyễn Thiên Trược	32188	61	4,622,000
83	Nguyễn Tiến Viên	29632	61	4,622,000
84	Trần Bá Vịnh	28664	65	4,622,000
85	Phạm Minh Vượng	32311	61	4,622,000
86	Vũ Văn Vương	30653	61	4,622,000
BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%				**53,290,000**
1	Nguyễn Doãn Chiều	27668	71	5,329,000
2	Phạm Văn Đụng	27532	71	5,329,000
3	Phạm Huy Hiện	27524	71	5,329,000
4	Phạm Văn Mộc	27325	73	5,329,000
5	Nguyễn Viết Quả	27339	72	5,329,000
6	Phạm Vũ Tiến	27315	75	5,329,000
7	Nguyễn Văn Tương	27682	71	5,329,000
8	Nguyễn Ngọc Thai	27423	71	5,329,000
9	Nguyễn Thiên Thiềm	27729	71	5,329,000
10	Nguyễn Ngọc Thuần	27601	71	5,329,000
BB suy giảm KNLĐ từ 81-90%				**7,777,000**
1	Phạm Xuân Sứ	41923	83	7,777,000
BB suy giảm KNLĐ từ 91-100%				**8,503,000**

1	Nguyễn Đăng Miên	29831	93	8,503,000
TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%				**13,184,000**
1	Phạm Xuân Cừ	14534	21	1,552,000
2	Vũ Xuân Đãi	52811	35	2,577,000
3	Nguyễn Văn Phạn	14561	36	2,646,000
4	Nguyễn Văn Sử	14566	21	1,552,000
5	Nguyễn Viết Thiệu	14560	35	2,577,000
6	Đăng Văn Xuyền	14564	31	2,280,000
TB B suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên				**8,135,000**
1	Trần Xuân Tưởng	14567	91	8,135,000
Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình				**16,734,000**
1	Nguyễn Thiện Chung			2,789,000
2	Nguyễn Thị Chừng			2,789,000
3	Nguyễn Văn Hoàng			2,789,000
4	Trần Thị Luy			2,789,000
5	Vũ Thị Thoa			2,789,000
6	Nguyễn Thị Vời			2,789,000
Người phục vụ BB từ 81% trở lên ở gia đình				**5,578,000**
1	Phạm Xuân Cường			2,789,000
2	Nguyễn Đăng Miên			2,789,000
Người phục vụ Bà mẹ VNAH				**2,789,000**

1	Phạm Thị Tẹo			2,789,000
Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ĐBN ở gia đình				**7,164,000**
1	Phạm Thị Lảnh			3,582,000
2	Nguyễn Thị Soái			3,582,000
Tuất 1 liệt sỹ				**245,432,000**
1	Đoàn Thị Ân	7690		2,789,000
2	Đàm Thị Ân	8431		2,789,000
3	Phạm Thị Bầm	7487		2,789,000
4	Phạm Thị Bé	7507		2,789,000
5	Bùi Thị Biện	33731		2,789,000
6	Phạm Thị Cẩm	7708		2,789,000
7	Phạm Văn Cao	7694		2,789,000
8	Trần Thị Cáy	8550		2,789,000
9	Nguyễn Văn Chúc	8468		2,789,000
10	Phạm Thị Chuyền	7496		2,789,000
11	Phạm Thị Dẻo	7483		2,789,000
12	Nguyễn Thị Dít	8553		2,789,000
13	Phạm Thị Don	7458		2,789,000
14	Nguyễn Trung Dũng	8544		2,789,000
15	Trương Thị Đan	7707		2,789,000
16	Nguyễn Thị Đan	8442		2,789,000

17	Phạm Thị Đáng	7687		2,789,000
18	Vũ Huy Đạo	52157		2,789,000
19	Đặng Thị Điểm	8556		2,789,000
20	Nguyễn Thị Định	8462		2,789,000
21	Nguyễn Thị Đỗ	8599		2,789,000
22	Nguyễn Thị Đói	8482		2,789,000
23	Phạm Thị Đồng	8564		2,789,000
24	Đinh Thị Gái	8480		2,789,000
25	Phạm Thị Gắn	7700		2,789,000
26	Nguyễn Đình Giản	8464		2,789,000
27	Phan Thị Ha	7481		2,789,000
28	Nguyễn Thị Hát	8591		2,789,000
29	Nguyễn Thị Hồi	7451		2,789,000
30	Trần Thị Hợp	49769		2,789,000
31	Phạm Thị Hơn	7476		2,789,000
32	Nguyễn Thị Huấn	8469		2,789,000
33	Nguyễn Thị Kiên	8449		2,789,000
34	Nguyễn Thị Kim	8476		2,789,000
35	Nguyễn Thị Kim	8554		2,789,000
36	Phạm Thị Khá	7457		2,789,000
37	Nguyễn Thị Khâm	8433		2,789,000

38	Phạm Thị La	7701		2,789,000
39	Nguyễn Thị Lán	8574		2,789,000
40	Nguyễn Thị Lanh	8436		2,789,000
41	Phạm Thị Lánh	8578		2,789,000
42	Đặng Thị Lân	8478		2,789,000
43	Lưu Thị Lương	8542		2,789,000
44	Nguyễn Thị Mạ	7469		2,789,000
45	Phạm Thị Mây	8569		2,789,000
46	Nguyễn Thị Mỉm	7464		2,789,000
47	Nguyễn Thị Mơ	8459		2,789,000
48	Nguyễn Thị Nền	8446		2,789,000
49	Phạm Thị Nói	7473		2,789,000
50	Vũ Thị Nõn	8588		2,789,000
51	Vũ Thị Nữ	42549		2,789,000
52	Phạm Thị Nữa	7470		2,789,000
53	Nguyễn Thị Nghiệp	8566		2,789,000
54	Nguyễn Thị Ngợi	8576		2,789,000
55	Phạm Thị Ngọt	7486		2,789,000
56	Đinh Thị Nhắc	8589		2,789,000
57	Phạm Thị Nhãn	8604		2,789,000
58	Nguyễn Thị Nhạn	7691		2,789,000

59	Nguyễn Văn Nhẽ	7506		2,789,000
60	Vũ Thị Nhiên	8563		2,789,000
61	Bùi Văn Nhượng	8594		2,789,000
62	Nguyễn Thị Oanh	8586		2,789,000
63	Vũ Thị Quýt	7462		2,789,000
64	Phạm Thị Sáu	8562		2,789,000
65	Nguyễn Thị Tảo	8454		2,789,000
66	Nguyễn Thị Tía	8445		2,789,000
67	Nguyễn Thị Tịnh	8452		2,789,000
68	Nguyễn Thị Tơ	8549		2,789,000
69	Đặng Thị Tuyến	7500		2,789,000
70	Nguyễn Thị Tư	7685		2,789,000
71	Trương Thị Tý	7688		2,789,000
72	Nguyễn Thị Thắm	8439		2,789,000
73	Phùng Thị Thắng	7696		2,789,000
74	Nguyễn Thị Thanh	7686		2,789,000
75	Phạm Thị Thì	7505		2,789,000
76	Phạm Thị Thì	7477		2,789,000
77	Trần Văn Thiềng	33730		2,789,000
78	Phạm Thị Thoa	7468		2,789,000
79	Phạm Thị Thu	7705		2,789,000

80	Nguyễn Thị Thuế	8437		2,789,000
81	Nguyễn Trung Trắc	8548		2,789,000
82	Nguyễn Thị Tro	8479		2,789,000
83	Trương Thị Vớ	7459		2,789,000
84	Phạm Thị Xây	7491		2,789,000
85	Nguyễn Thị Xôi	8597		2,789,000
86	Nguyễn Thị Xu	8602		2,789,000
87	Phạm Thị Xung	7465		2,789,000
88	Hoàng Thị Xuyền	7509		2,789,000
Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND				**25,100,000**
1	Phạm Thị Bít	7692		5,020,000
2	Nguyễn Thị Loan	7492		5,020,000
3	Phạm Thị Mỹ	7503		5,020,000
4	Trần Thị Oánh	8592		5,020,000
5	Vũ Thị San	8558		5,020,000
Tuất cán bộ TKN hưởng ĐXCB				**1,565,000**
1	Nguyễn Thị Diễn	49864		1,565,000
Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB				**20,345,000**
1	Trần Thị Công	53899		1,565,000
2	Nguyễn Thị Dịu	40436		1,565,000
3	Phạm Thị Dõi	33938		1,565,000

4	Phùng Thị Hạnh	42397		1,565,000
5	Vũ Thị Hệ	41535		1,565,000
6	Trần Thị Hoài	15317		1,565,000
7	Đặng Thị My	33031		1,565,000
8	Trần Thị Tắc	15316		1,565,000
9	Nguyễn Thị The	49099		1,565,000
10	Nguyễn Thị Thoán	52932		1,565,000
11	Đăng Thị Thuật	14937		1,565,000
12	Nguyễn Thị Thường	14941		1,565,000
13	Bùi Thị Trà	15318		1,565,000
Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB				**54,775,000**
1	Nguyễn Thị Bé	49100		1,565,000
2	Nguyễn Thị Cảnh	52310		1,565,000
3	Nguyễn Thị Coóng	15559		1,565,000
4	Nguyễn Thị Cúc	53173		1,565,000
5	Đặng Thị Chuân	35781		1,565,000
6	Bùi Văn Dũng	49831		1,565,000
7	Phùng Thị Dụng	46299		1,565,000
8	Nguyễn Thị Gấm	53768		1,565,000
9	Nguyễn Thị Hải	15488		1,565,000
10	Phạm Thị Hòa	52246		1,565,000

11	Phạm Thị Hoàn	40415		1,565,000
12	Nguyễn Thị Hồng	46395		1,565,000
13	Nguyễn Thị Kim	40444		1,565,000
14	Nguyễn Thị Khánh	15489		1,565,000
15	Bùi Thị Khoản	15480		1,565,000
16	Nguyễn Thị Khuê	35900		1,565,000
17	Nguyễn Thị Lâm	40443		1,565,000
18	Nguyễn Thị Lệ	53686		1,565,000
19	Phạm Thị Liển	40943		1,565,000
20	Đặng Thị Nở	36063		1,565,000
21	Đồng Thị Ngần	33171		1,565,000
22	Nguyễn Thị Nhân	44804		1,565,000
23	Phạm Thị Nhiễn	46250		1,565,000
24	Phạm Thị Nhớn	25368		1,565,000
25	Trần Thị Sen	33884		1,565,000
26	Nguyễn Thị Sò	51063		1,565,000
27	Nguyễn Thị Tánh	25369		1,565,000
28	Đồng Thị Tẹo	53320		1,565,000
29	Trần Thị Thắm	53321		1,565,000
30	Nguyễn Thị Thu	47140		1,565,000
31	Bùi Thị Thuấn	54131		1,565,000

32	Đặng Thị Vụ	32916		1,565,000
33	Nguyễn Thị Xanh	15314		1,565,000
34	Phạm Thị Xòe	41540		1,565,000
35	Bùi Thị Xuyến	51179		1,565,000
Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB				**18,780,000**
1	Trần Thị Bén	50059		1,565,000
2	Trần Thị Dã	46278		1,565,000
3	Phạm Thị Dung	53446		1,565,000
4	Nguyễn Thị Hảo	53501		1,565,000
5	Nguyễn Tiến Hỗ	48952		1,565,000
6	Nguyễn Thị Hòa	42930		1,565,000
7	Hà Thị Lảng	40446		1,565,000
8	Nguyễn Thị Lưới	40447		1,565,000
9	Nguyễn Thị Nền	45155		1,565,000
10	Nguyễn Thị Nhung	44897		1,565,000
11	Hà Thị Phương	49433		1,565,000
12	Nguyễn Thị Tích	49013		1,565,000
Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác				**44,624,000**
1	Nguyễn Thị Diệp	8477		2,789,000
2	Nguyễn Thị Điểm	42047		2,789,000
3	Nguyễn Thị Hòa	40575		2,789,000

4	Nguyễn Thị Hòa	41381		2,789,000
5	Nguyễn Thị Kim	42406		2,789,000
6	Phạm Thị Liễu	8463		2,789,000
7	Nguyễn Thị Nghi	8461		2,789,000
8	Nguyễn Thị Ngụ	42049		2,789,000
9	Nguyễn Thị Nhuần	42189		2,789,000
10	Phùng Thị Nhung	7684		2,789,000
11	Đăng Thị Phín	8475		2,789,000
12	Nguyễn Thị Quanh	42188		2,789,000
13	Nguyễn Thị Sợi	8467		2,789,000
14	Phạm Thị Tèo	41012		2,789,000
15	Nguyễn Thị Thảo	34074		2,789,000
16	Nguyễn Thị Thì	8471		2,789,000
Bà mẹ Việt nam anh hùng (02 liệt sỹ)				**10,704,000**
1	Phạm Thị Tẹo	7475		10,704,000
Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%				**25,095,000**
1	Vũ Thị Biển	2447		1,673,000
2	Đặng Thị Bình	2531		1,673,000
3	Nguyễn Văn Chiến	2436		1,673,000
4	Nguyễn Thị Dơn	2462		1,673,000
5	Vũ Văn Định	2534		1,673,000

6	Nguyễn Thị Hải	2528		1,673,000
7	Bùi Viết Huệ	2530		1,673,000
8	Phạm Xuân Khương	2437		1,673,000
9	Trần Công Lành	2526		1,673,000
10	Nguyễn Thị Liên	2529		1,673,000
11	Vũ Thị Mai	2553		1,673,000
12	Phạm Huy Núi	3277		1,673,000
13	Phạm Minh Tuấn	2550		1,673,000
14	Nguyễn Văn Thanh	3304		1,673,000
15	Phạm Thị Thuyên	53447		1,673,000
Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên				**13,945,000**
1	Đặng Thị Hằng	2549		2,789,000
2	Nguyễn Thị Lan	32658		2,789,000
3	Phạm Thị Mây	2463		2,789,000
4	Bùi Văn Tuyền	2551		2,789,000
5	Nguyễn Thị Xuê	32656		2,789,000
Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%				**93,280,000**
1	Nguyễn Thanh Bình	45664	35	2,120,000
2	Nguyễn Tiến Bình	45918	35	2,120,000
3	Vũ Đình Cọ	49908	35	2,120,000
4	Nguyễn Văn Chinh	47265	35	2,120,000

5	Phạm Thanh Chỉnh	47436	35	2,120,000
6	Vũ Công Chúc	50597	35	2,120,000
7	Nguyễn Hữu Chức	46399	35	2,120,000
8	Trần Công Duễ	53171	35	2,120,000
9	Lê Quang Duyến	47139	35	2,120,000
10	Nguyễn Thiện Đảm	47045	35	2,120,000
11	Nguyễn Văn Đằng	45944	35	2,120,000
12	Phạm Văn Điền	53399	35	2,120,000
13	Nguyễn Đắc Đối	47266	35	2,120,000
14	Phạm Văn Hánh	49097	35	2,120,000
15	Nguyễn Văn Hoan	47596	35	2,120,000
16	Nguyễn Công Hoan	47778	35	2,120,000
17	Vũ Xuân Hồng	46304	35	2,120,000
18	Nguyễn Thanh Hồng	45622	35	2,120,000
19	Chu Xuân Hồng	53043	35	2,120,000
20	Nguyễn Văn Huynh	53445	35	2,120,000
21	Nguyễn Thiện Khoát	47437	35	2,120,000
22	Đặng Xuân Lảo	49771	35	2,120,000
23	Phạm Trung Lập	47267	35	2,120,000
24	Phạm Hữu Liễn	49909	35	2,120,000
25	Bùi Thế Lộc	47044	35	2,120,000

26	Nguyễn Huy Lợi	50258	35	2,120,000
27	Phạm Xuân Mẫn	46692	35	2,120,000
28	Phạm Xuân Mềm	52815	35	2,120,000
29	Nguyễn Thanh Miện	46208	35	2,120,000
30	Phạm Văn Mỏng	52414	35	2,120,000
31	Nguyễn Văn Nẹt	53364	35	2,120,000
32	Nguyễn Văn Nghị	53853	35	2,120,000
33	Đặng Duy Nhiên	46274	35	2,120,000
34	Phạm Tuấn Oanh	50773	35	2,120,000
35	Phạm Văn Phận	49181	35	2,120,000
36	Đặng Văn Quyết	47780	35	2,120,000
37	Phạm Văn Rồi	52740	35	2,120,000
38	Phạm Quang Tự	49180	35	2,120,000
39	Phạm Xuân Thưởng	46366	35	2,120,000
40	Trần Đức Trọng	46206	35	2,120,000
41	Phạm Xuân Trường	49907	35	2,120,000
42	Nguyễn Thế Võ	7597	35	2,120,000
43	Dịp Xay Vồ	50150	35	2,120,000
44	Nguyễn Hữu Yên	47779	35	2,120,000
Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%				**272,734,000**
1	Nguyễn Văn Bảnh	32961	41	3,542,000

2	Nguyễn Văn Cải	41544	41	3,542,000
3	Nguyễn Đắc Cứu	37762	41	3,542,000
4	Nguyễn Đức Chanh	13871	41	3,542,000
5	Phạm Văn Chiến	13873	41	3,542,000
6	Đặng Xuân Duyên	33175	41	3,542,000
7	Lê Ngọc Điềm	37766	41	3,542,000
8	Phạm Huy Đỗ	13865	41	3,542,000
9	Trương Đình Đức	14208	41	3,542,000
10	Nguyễn Xuân Gắn	37752	41	3,542,000
11	Trần Văn Hạc	42776	41	3,542,000
12	Đặng Xuân Hạm	45183	41	3,542,000
13	Phạm Văn Hiến	45520	41	3,542,000
14	Nguyễn Hồng Hiệp	13867	41	3,542,000
15	Nguyễn Huy Hiên	32809	41	3,542,000
16	Nguyễn Tiến Hóa	37764	41	3,542,000
17	Đặng Xuân Hồng	13855	41	3,542,000
18	Nguyễn Văn Huệ	33234	41	3,542,000
19	Trần Công Hùng	37749	41	3,542,000
20	Phạm Văn Hý	13861	41	3,542,000
21	Nguyễn Tiến Kiệm	37763	41	3,542,000
22	Phạm Thế Kỷ	32646	41	3,542,000

23	Nguyễn Văn Khẩn	32648	41	3,542,000
24	Nguyễn Ngọc Khen	37765	41	3,542,000
25	Phạm Văn Khoản	39916	41	3,542,000
26	Nguyễn Văn Lai	37761	41	3,542,000
27	Đặng Xuân Lai	41546	41	3,542,000
28	Nguyễn Trung Lập	42981	41	3,542,000
29	Trần Công Lệ	25283	41	3,542,000
30	Trần Duy Linh	13870	41	3,542,000
31	Phạm Thành Lĩnh	37701	41	3,542,000
32	Bùi Xuân Lộc	44888	41	3,542,000
33	Nguyễn Đức Lời	33190	41	3,542,000
34	Nguyễn Ngọc Long	42766	41	3,542,000
35	Nguyễn Tiến Lục	32811	41	3,542,000
36	Phạm Hữu Luyên	44249	41	3,542,000
37	Nguyễn Văn Mẫn	14212	41	3,542,000
38	Trần Văn Minh	45523	41	3,542,000
39	Nguyễn Văn Mùa	45529	41	3,542,000
40	Phạm Văn Mức	39946	41	3,542,000
41	Trương Văn Nến	42174	41	3,542,000
42	Nguyễn Quốc Ngành	13860	41	3,542,000
43	Phạm Đức Nghìn	14333	41	3,542,000

44	Nguyễn Văn Nhu	32812	41	3,542,000
45	Nguyễn Huy Oanh	37757	41	3,542,000
46	Nguyễn Xuân Phiến	25364	41	3,542,000
47	Vũ Văn Phiệu	13864	41	3,542,000
48	Nguyễn Văn Quánh	42046	41	3,542,000
49	Nguyễn Hồng Quân	37767	41	3,542,000
50	Phạm Hữu Quỳnh	43278	41	3,542,000
51	Nguyễn Đình Soi	37751	41	3,542,000
52	Nguyễn Ngọc Tám	37755	41	3,542,000
53	Nguyễn Đình Tảo	25292	41	3,542,000
54	Bùi Văn Tẫu	13858	41	3,542,000
55	Phạm Văn Tẽo	33788	41	3,542,000
56	Vũ Xuân Tiếp	39930	41	3,542,000
57	Nguyễn Minh Tỏ	41542	41	3,542,000
58	Nguyễn Trung Tơn	33030	41	3,542,000
59	Nguyễn Anh Tuấn	37760	41	3,542,000
60	Bùi Xuân Tuyển	14213	41	3,542,000
61	Hà Văn Thái	42779	41	3,542,000
62	Phùng Thị Thắm	37700	41	3,542,000
63	Nguyễn Tiến Thảo	35743	41	3,542,000
64	Nguyễn Ngọc Tháu	32816	41	3,542,000

65	Nguyễn Thế Thích	44797	41	3,542,000
66	Nguyễn Ngọc Thiệp	45514	41	3,542,000
67	Nguyễn Gia Thiều	44361	41	3,542,000
68	Bùi Ngọc Thống	33176	41	3,542,000
69	Phạm Văn Thơm	13857	41	3,542,000
70	Nguyễn Thanh Thuyết	13866	41	3,542,000
71	Bùi Xuân Trầm	42040	41	3,542,000
72	Trần Văn Viết	37758	41	3,542,000
73	Nguyễn Thế Vững	14199	41	3,542,000
74	Phạm Văn Xê	13862	41	3,542,000
75	Đặng Long Xuyên	13872	41	3,542,000
76	Vũ Như Ý	13874	41	3,542,000
77	Nguyễn Tiến Ý	37753	41	3,542,000
Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%				**44,676,000**
1	Bùi Văn Cải	38675	61	4,964,000
2	Doãn Tiến Dũng	38673	61	4,964,000
3	Nguyễn Thế Đề	38647	61	4,964,000
4	Nguyễn Thị Lan	38677	61	4,964,000
5	Nguyễn Đình Ngấn	38685	61	4,964,000
6	Đặng Văn Ngọ	38646	61	4,964,000
7	Nguyễn Văn Nhượng	38708	61	4,964,000

8	Phạm Huy Thiều	38644	61	4,964,000
9	Phạm Văn Thượng	38645	61	4,964,000
Quân nhân xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT				**14,190,000**
1	Nguyễn Văn Bình	34760		2,838,000
2	Nguyễn Hồng Hiểu	35698		2,838,000
3	Nguyễn Quốc Ngành	34790		2,838,000
4	Nguyễn Văn Trung	34791		2,838,000
5	Nguyễn Huy Ưởng	34794		2,838,000
Quân nhân xuất ngũ từ 16 đến dưới 17 năm CT				**8,898,000**
1	Hà Ngọc Duyên	34789		2,966,000
2	Bùi Văn Quang	34792		2,966,000
3	Nguyễn Thế Vết	34788		2,966,000
Quân nhân xuất ngũ từ 18 đến dưới 19 năm CT				**3,227,000**
1	Nguyễn Văn Huynh	34793		3,227,000
Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày				**36,806,000**
1	Vũ Văn Đàm	36915		1,673,000
2	Nguyễn Văn Đẳng	36960		1,673,000
3	Trần Công Hoan	36876		1,673,000
4	Nguyễn Văn Hoàng	42782		1,673,000
5	Phạm Xuân Hồng	36875		1,673,000
6	Nguyễn Ngọc Lâm	36975		1,673,000

7	Trần Duy Linh	36909		1,673,000
8	Nguyễn Thiện Minh	39252		1,673,000
9	Nguyễn Duy Nội	41798		1,673,000
10	Phạm Văn Sấn	36973		1,673,000
11	Nguyễn Xuân Sự	36953		1,673,000
12	Trương Văn Sững	36877		1,673,000
13	Nguyễn Duy Tỉu	36957		1,673,000
14	Nguyễn Minh Tỏ	36955		1,673,000
15	Nguyễn Trung Tơn	36916		1,673,000
16	Nguyễn Hữu Tuế	36958		1,673,000
17	Đinh Văn Tung	36894		1,673,000
18	Nguyễn Thị Tường	36956		1,673,000
19	Nguyễn Thiện Thiềm	36893		1,673,000
20	Bùi Thị Thơm	36908		1,673,000
21	Nguyễn Hữu Thuân	40690		1,673,000
22	Trần Văn Xuê	36905		1,673,000
				2,589,000
	Phạm Thế Hãn	33616		8,639,000
	Phạm Xuân Hồng	16868		2,789,000
	Nguyễn Thị Mỉm	7464		1,565,000
	Phạm Thị Dõi	33938		1,565,000
	Hà Thị Lảng	40446		2,789,000
	Nguyễn Thị Chừng	NPV TB		1,673,000
	Phạm Xuân Hồng	36875		2,789,000
	Nguyễn Văn Nhẽ	7506		2,789,000
	Phạm Thị Don	7458		3,667,000
	Vũ Văn Vương	26499		2,789,000
	Vũ Thị Quýt	7462		2,789,000

Phạm Thị Thì	7505	4,561,000
Nguyễn Minh Hải	19991	6,708,000
Nguyễn Văn Tiến	25651	4,622,000
Phạm Văn Đồi	31228	4,622,000
Nguyễn Thị Quyên	29287	2,789,000
Đặng Thị Tuyến	7500	2,789,000
Phạm Thị Khá	7457	1,565,000
Hà Thị Phương	49433	4,622,000
Nguyễn Văn Tháu	32402	2,236,000
Phạm Xuân Gọi	19699	4,622,000
Nguyễn Văn Phinh	32304	2,789,000
Phạm Thị Dẻo	7483	5,020,000
Phạm Thị Mỹ	7503	1,565,000
Nguyễn Thị Hồng	46395	2,789,000
Phạm Thị Xung	7465	1,673,000
Phạm Xuân Khương	2437	2,236,000
Phạm Xuân Chiến	35185	2,770,000
Phạm Tuấn Oanh	23022	2,411,000
Phạm Ngọc Liễn	21715	2,053,000
Nguyễn Văn Chuyền	19193	2,053,000
Phạm Thanh Chì	18800	2,770,000
Nguyễn Văn Bãnh	18153	4,622,000
Phạm Văn Thảo	31714	4,622,000
Phạm Như Bột	29951	4,622,000
Phạm Văn Thau	29029	4,622,000
Phan Thanh Tùng	31834	1,552,000
Phạm Xuân Cừ	14534	2,789,000
Phạm Thị Nói	7473	2,789,000
Nguyễn Thị Mạ	7469	2,789,000
Phạm Thị Thì	7477	2,789,000
Phạm Thị Nữa	7470	1,565,000
Nguyễn Thị Dịu	40436	2,120,000
Phạm Tuấn Oanh	50773	2,120,000
Phạm Hữu Liễn	49909	3,542,000
Trương Văn Nến	42174	3,542,000
Nguyễn Văn Bảnh	32961	1,673,000
Nguyễn Văn Chiến	2436	1,673,000
Trần Công Hoan	36876	2,838,000
Nguyễn Hồng Hiếu	35698	1,969,000
Phạm Văn Thạnh	52237	1,878,000
Phạm Quang Mát	42633	1,878,000
Phạm Vũ Tiến	40759	1,878,000
Phạm Văn Hằng	19841	1,878,000
Phan Trọng Đỗ	17550	2,911,000
Nguyễn Ngọc Chữ	708	2,911,000

Phạm Xuân Tèn	707	4,622,000
Đỗ Xuân Lánh	29857	5,329,000
Phạm Vũ Tiến	27315	1,565,000
Đặng Thị Chuân	35781	5,020,000
Nguyễn Thị Loan	7492	4,024,000
Phạm Văn Chuộng	52609	2,770,000
Phạm Xuân Choang	52608	2,770,000
Trần Mạnh Phi	23205	1,878,000
Trương Bá Sững	52153	2,236,000
Phạm Văn Tổng	36108	4,024,000
Phạm Thanh Xuấn	26933	2,589,000
Đặng Văn Vinh	26613	2,236,000
Nguyễn Văn Tung	26267	3,132,000
Phạm Quang Tự	26173	2,411,000
Phạm Xuân Trường	26012	2,053,000
Phạm Hữu Tứ	25742	1,878,000
Phạm Thanh Tùng	25587	2,236,000
Phạm Xuân Thưởng	25031	3,753,000
Trương Khắc Sợi	23911	1,878,000
Trương Văn Rần	23658	1,969,000
Phạm Văn Rõ	23652	2,770,000
Vũ Văn Quyết	23640	1,969,000
Nguyễn Văn Nẹt	22986	2,770,000
Phạm Xuân Mềm	22257	1,878,000
Phạm Xuân Mẫn	22109	1,878,000
Phạm Xuân Mộc	22090	1,969,000
Phạm Văn Luân	21901	1,878,000
Phạm Ngọc Lượng	21693	1,878,000
Phạm Văn Hánh	19831	2,770,000
Vũ Công Chúc	19063	2,236,000
Nguyễn Văn Ca	18634	1,969,000
Nguyễn Văn Bạc	18168	2,236,000
Vũ Mạnh Điền	17667	2,053,000
Phạm Văn Điền	17665	3,667,000
Phạm Xuân Kiểm	21251	6,081,000
Phạm Văn Sình	23724	5,450,000
Phạm Văn Phận	23186	5,450,000
Vũ Đình Lập	21605	5,450,000
Nguyễn Văn Chung	19152	8,639,000
Phạm Văn Sáng	16999	8,731,000
Nguyễn Văn Hoàng	16877	11,001,000
Phạm Văn Bạo	16676	3,627,000
Phạm Văn Cước	709	4,622,000
Phạm Văn Mức	35998	4,622,000
Phạm Văn Phong	32422	4,622,000

Vũ Xuân Trân	32062	4,622,000
Vũ Mạnh Điền	31917	4,622,000
Phạm Văn Trự	31916	4,622,000
Phạm Văn Huỳnh	31662	4,622,000
Phạm Văn Lưởng	31576	4,622,000
Phạm Văn Chuộng	30364	4,622,000
Ngô Văn Nỉn	30242	4,622,000
Phạm Xuân Choang	30028	4,622,000
Nguyễn Văn Chủ	29509	4,622,000
Nguyễn Thị Liễu	29036	4,622,000
Phan Văn Kính	30756	4,622,000
Vũ Văn Nhọ	29030	4,622,000
Hoàng Quang Phát	30288	5,329,000
Phạm Huy Hiện	27524	5,329,000
Phạm Văn Mộc	27325	2,789,000
Vũ Huy Đạo	52157	2,789,000
Hoàng Thị Xuyền	7509	2,789,000
Phạm Thị Bé	7507	2,789,000
Phạm Thị Xây	7491	2,789,000
Phạm Thị Hơn	7476	2,789,000
Phạm Thị Thoa	7468	2,789,000
Trương Thị Vớ	7459	2,789,000
Nguyễn Thị Hồi	7451	2,789,000
Phạm Thị Ngọt	7486	2,789,000
Phạm Thị Chuyền	7496	2,789,000
Phạm Thị Bầm	7487	2,789,000
Phan Thị Ha	7481	2,789,000
Phạm Thị Tèo	41012	1,565,000
Trần Thị Công	53899	1,565,000
Bùi Văn Dũng	49831	1,565,000
Phạm Thị Nhiễn	46250	1,565,000
Phạm Thị Nhớn	25368	1,565,000
Phạm Thị Xòe	41540	1,565,000
Phạm Thị Liền	40943	1,565,000
Phạm Thị Hoàn	40415	1,565,000
Bùi Thị Khoản	15480	1,565,000
Nguyễn Thị Hảo	53501	1,565,000
Phạm Thị Dung	53446	2,789,000
Phạm Văn Sáng	NPVTB	2,789,000
Nguyễn Văn Hoàng	NPV TB	3,582,000
Phạm Thị Lảnh	NPV TB	2,789,000
Phạm Thị Tẹo	NPV BM VNAH	10,704,000
Phạm Thị Tẹo	7475	2,120,000
Phạm Xuân Mềm	52815	2,120,000
Phạm Văn Mỏng	52414	2,120,000

Vũ Công Chúc	50597	2,120,000
Vũ Đình Cọ	49908	2,120,000
Phạm Xuân Trường	49907	2,120,000
Phạm Văn Phận	49181	2,120,000
Phạm Quang Tự	49180	2,120,000
Phạm Văn Hánh	49097	2,120,000
Phạm Xuân Mẫn	46692	2,120,000
Phạm Xuân Thưởng	46366	2,120,000
Nguyễn Văn Nẹt	53364	2,120,000
Phạm Văn Điền	53399	3,542,000
Phạm Văn Hiến	45520	3,542,000
Phạm Văn Mức	39946	1,673,000
Nguyễn Văn Hoàng	42782	1,673,000
Trương Văn Sững	36877	2,053,000
Nguyễn Đăng Sung	53366	3,667,000
Phạm Trung Tới	24246	2,236,000
Phạm Văn Trọng	25963	2,789,000
Đặng Thị Điểm	8556	1,565,000
Nguyễn Thị Lệ	53686	1,565,000
Nguyễn Thị Nhung	44897	3,542,000
Bùi Xuân Trầm	42040	3,542,000
Bùi Văn Tẫu	13858	3,542,000
Đặng Xuân Hồng	13855	2,789,000
Bùi Văn Tuyền	2551	2,505,000
Phạm Xuân Trước	1954	2,770,000
Nguyễn Công Hoan	20671	1,878,000
Chu Xuân Hồng	20137	1,878,000
Nguyễn Tiến Hữu	19848	2,911,000
Nguyễn Văn Nhượng	937	2,911,000
Nguyễn Công Chức	940	2,911,000
Nguyễn Văn Cờ	934	4,622,000
Đỗ Quang Biện	30120	4,622,000
Nguyễn Xuân Quy	30063	4,622,000
Phạm Xuân Trước	28637	8,135,000
Trần Xuân Tưởng	14567	2,789,000
Nguyễn Thị Xôi	8597	2,789,000
Bùi Văn Nhượng	8594	2,789,000
Nguyễn Thị Xu	8602	2,789,000
Vũ Thị Nhiên	8563	2,789,000
Nguyễn Thị Kim	8554	2,789,000
Nguyễn Thị Tơ	8549	2,789,000
Nguyễn Trung Trắc	8548	1,565,000
Nguyễn Thị Thường	14941	1,565,000
Bùi Thị Xuyến	51179	1,565,000
Nguyễn Thị Kim	40444	1,565,000

Nguyễn Thị Khánh	15489	2,789,000
Vũ Thị Thoa		2,120,000
Chu Xuân Hồng	53043	3,542,000
Nguyễn Quốc Ngành	13860	4,964,000
Nguyễn Văn Nhượng	38708	1,673,000
Nguyễn Văn Thanh	3304	1,673,000
Vũ Văn Đàm	36915	1,673,000
Bùi Thị Thơm	36908	2,838,000
Nguyễn Quốc Ngành	34790	2,966,000
Hà Ngọc Duyên	34789	1,878,000
Ngô Bá Đàm	17344	5,450,000
Nguyễn Thế Thoả	25251	4,622,000
Phạm Xuân Thi	32238	2,789,000
Nguyễn Thị Ngợi	8576	2,789,000
Trần Thị Cáy	8550	2,789,000
Nguyễn Thị Điểm	42047	1,878,000
Bùi Văn Tim	36344	1,878,000
Phạm Văn Xê	26873	2,236,000
Phạm Ngọc Thanh	24917	4,561,000
Nguyễn Văn Thạo	24803	2,236,000
Chu Văn Tập	24444	5,277,000
Nguyễn Trung Tơn	24240	2,053,000
Nguyễn Huy Sách	23674	3,217,000
Nguyễn Xuân Phiến	23250	4,918,000
Phạm Văn Nhớn	22882	4,561,000
Nguyễn Văn Bưởng	18314	2,911,000
Nguyễn Xuân Tuy	939	3,627,000
Bùi Xuân Tuyển	930	4,622,000
Trần Bá Vịnh	28664	4,622,000
Đặng Văn Quảng	32413	4,622,000
Nguyễn Huy Sách	28632	4,622,000
Vũ Tiến Dũng	941	2,789,000
Nguyễn Thị Đỗ	8599	2,789,000
Phạm Thị Nhãn	8604	2,789,000
Phạm Thị Sáu	8562	5,020,000
Vũ Thị San	8558	1,565,000
Đặng Thị Nở	36063	1,565,000
Nguyễn Thị Hòa	42930	2,120,000
Vũ Xuân Hồng	46304	3,542,000
Nguyễn Xuân Phiến	25364	3,542,000
Phạm Hữu Quỳnh	43278	3,542,000
Nguyễn Trung Tơn	33030	3,542,000
Bùi Xuân Tuyển	14213	3,542,000
Vũ Như Ý	13874	3,542,000
Phạm Văn Chiến	13873	3,542,000

Đặng Long Xuyên	13872	3,542,000
Phạm Văn Xê	13862	3,542,000
Phạm Văn Thơm	13857	4,964,000
Nguyễn Thị Lan	38677	1,673,000
Vũ Thị Mai	2553	1,673,000
Nguyễn Trung Tơn	36916	1,878,000
Nguyễn Văn Vượng	33619	2,144,000
Nguyễn Văn Bền	18418	2,911,000
Trần Ngọc Oanh	936	4,622,000
Nguyễn Văn Dương	28532	5,329,000
Phạm Văn Đụng	27532	1,565,000
Vũ Thị Hệ	41535	1,673,000
Phạm Thị Thuyên	43447	1,878,000
Nguyễn Thế Vững	26467	4,024,000
Nguyễn Hữu Dũng	19531	2,053,000
Đặng Văn Đường	45984	2,911,000
Nguyễn Thế Vững	929	3,542,000
Nguyễn Thế Vững	14199	1,878,000
Nguyễn Thanh Bình	33692	1,878,000
Nguyễn Xuân Vở	26554	4,024,000
Nguyễn Văn Tân	24210	3,399,000
Bùi Xuân Nhị	22914	1,878,000
Nguyễn Thanh Miện	22233	2,053,000
Nguyễn Ngọc Long	21822	3,667,000
Phạm Văn Lập	21602	2,144,000
Nguyễn Hồng Khanh	21028	1,878,000
Nguyễn Văn Hoan	20679	1,878,000
Nguyễn Thanh Hồng	20148	2,053,000
Nguyễn Văn Chiều	19025	1,878,000
Nguyễn Văn Chanh	18867	2,236,000
Đặng Đức Thoa	25270	1,878,000
Đặng Huy Thiết	25145	1,878,000
Bùi Sỹ Mỳ	22292	2,770,000
Phạm Tuấn Quang	52991	1,878,000
Nguyễn Viết Thức	52540	1,878,000
Nguyễn Công Sử	51277	1,969,000
Trần Anh Lựu	51276	2,144,000
Vũ Văn Phiệu	50698	1,878,000
Nguyễn Đức Thưa	25362	1,878,000
Nguyễn Văn Tương	42173	2,053,000
Nguyễn Trung Dũng	33621	3,667,000
Nguyễn Trung Lập	33420	3,667,000
Phạm Văn Tẽo	25599	3,667,000
Hà Văn Thái	24495	3,667,000
Nguyễn Văn Quánh	23369	2,770,000

Phạm Văn Phú	23279	3,667,000
Nguyễn Văn Nghị	22590	3,667,000
Nguyễn Văn Mùa	22145	3,667,000
Trần Công Lệ	21772	3,667,000
Bùi Thế Lộc	21549	2,053,000
Phạm Văn Hý	20853	1,878,000
Nguyễn Văn Huyên	20819	3,667,000
Đặng Xuân Hạm	20062	1,878,000
Nguyễn Văn Công	18545	4,024,000
Nguyễn Văn Bình	18061	2,236,000
Đặng Minh Đức	17786	2,683,000
Đặng Văn Ân	17220	5,450,000
Nguyễn Văn Cải	18596	8,639,000
Nguyễn Đình Tảo	17016	10,107,000
Đàm Xuân Đạo	16666	2,911,000
Phạm Công Vinh	932	2,911,000
Vũ Văn Toàn	927	2,911,000
Nguyễn Ngọc Lúa	942	2,911,000
Bùi Huy Duyên	938	2,911,000
Nguyễn Đức Diệu	935	2,911,000
Trần Văn Dương	931	4,622,000
Phạm Minh Vượng	32311	4,622,000
Phạm Ngọc Lâm	31901	4,622,000
Vũ Đình Tuyên	31533	4,622,000
Vũ Đình Kha	31512	4,622,000
Phạm Xuân Thích	31243	4,622,000
Đàm Xuân Hiếu	30755	4,622,000
Nguyễn Đức Toản	30741	4,622,000
Lê Hồng Ngát	30278	4,622,000
Nguyễn Quang Hoà	28824	4,622,000
Nguyễn Tiến Nhinh	28815	4,622,000
Đặng Xuân Đương	28734	4,622,000
Phạm Văn Khoái	32155	4,622,000
Nguyễn Ngọc Châu	31847	4,622,000
Nguyễn Đức Thưa	30218	4,622,000
Nguyễn Đức Điểu	30097	8,503,000
Nguyễn Đăng Miên	29831	2,789,000
Nguyễn Đăng Miên	29831	4,622,000
Nguyễn Viết Thức	29758	4,622,000
Nguyễn Đại Thắng	28941	4,622,000
Nguyễn Đức Bền	28846	4,622,000
Trần Duy Miềng	28804	4,622,000
Ngô Bá Định	28658	4,622,000
Vũ Xuân Đãi	28507	4,622,000
Vũ Xuân Thô	933	5,329,000

Nguyễn Văn Tương	27682	1,552,000
Nguyễn Văn Sử	14566	2,577,000
Vũ Xuân Đãi	52811	2,789,000
Nguyễn Thị Hát	8591	2,789,000
Đinh Thị Nhắc	8589	2,789,000
Vũ Thị Nõn	8588	2,789,000
Nguyễn Thị Oanh	8586	2,789,000
Phạm Thị Lánh	8578	2,789,000
Nguyễn Thị Lán	8574	2,789,000
Phạm Thị Mây	8569	2,789,000
Nguyễn Thị Nghiệp	8566	2,789,000
Phạm Thị Đồng	8564	2,789,000
Nguyễn Thị Dít	8553	2,789,000
Nguyễn Trung Dũng	8544	2,789,000
Lưu Thị Lương	8542	5,020,000
Trần Thị Oánh	8592	2,789,000
Nguyễn Thị Thảo	34074	1,565,000
Nguyễn Thị The	49099	1,565,000
Bùi Thị Trà	15318	1,565,000
Trần Thị Hoài	15317	1,565,000
Trần Thị Tắc	15316	1,565,000
Nguyễn Thị Xanh	15314	1,565,000
Nguyễn Thị Nhân	44804	1,565,000
Nguyễn Thị Lâm	40443	1,565,000
Đặng Thị Vụ	32916	1,565,000
Nguyễn Thị Nhắc	53849	1,565,000
Nguyễn Thị Gấm	53768	1,565,000
Nguyễn Thị Lưới	40447	2,789,000
Trần Thị Luy		3,582,000
Nguyễn Thị Soái	NPV	2,120,000
Nguyễn Thanh Miện	46208	2,120,000
Nguyễn Thanh Bình	45664	2,120,000
Nguyễn Thanh Hồng	45622	2,120,000
Phạm Văn Rồi	52740	2,120,000
Đặng Duy Nhiên	46274	2,120,000
Nguyễn Văn Đằng	45944	2,120,000
Nguyễn Văn Huynh	53445	2,120,000
Nguyễn Văn Nghị	53853	3,542,000
Bùi Xuân Lộc	44888	3,542,000
Phạm Hữu Luyên	44249	3,542,000
Nguyễn Đức Chanh	13871	3,542,000
Nguyễn Văn Mùa	45529	3,542,000
Trần Văn Minh	45523	3,542,000
Nguyễn Đình Tảo	25292	3,542,000
Trần Công Lệ	25283	3,542,000

Đặng Xuân Hạm	45183	3,542,000
Nguyễn Gia Thiều	44361	3,542,000
Nguyễn Trung Lập	42981	3,542,000
Hà Văn Thái	42779	3,542,000
Nguyễn Ngọc Long	42766	3,542,000
Nguyễn Văn Quánh	42046	3,542,000
Nguyễn Văn Cải	41544	3,542,000
Vũ Xuân Tiếp	39930	3,542,000
Phạm Văn Tẽo	33788	3,542,000
Nguyễn Đức Lời	33190	3,542,000
Trần Duy Linh	13870	3,542,000
Nguyễn Hồng Hiệp	13867	3,542,000
Nguyễn Thanh Thuyết	13866	3,542,000
Phạm Huy Đỗ	13865	3,542,000
Vũ Văn Phiệu	13864	3,542,000
Phạm Văn Hý	13861	4,964,000
Bùi Văn Cải	38675	1,673,000
Vũ Thị Biển	2447	1,673,000
Phạm Minh Tuấn	2550	2,789,000
Nguyễn Thị Lan	32658	2,789,000
Đặng Thị Hằng	2549	1,673,000
Trần Duy Linh	36909	1,673,000
Trần Văn Xuê	36905	2,838,000
Nguyễn Văn Trung	34791	2,838,000
Nguyễn Huy Ưởng	34794	2,966,000
Bùi Văn Quang	34792	3,227,000
Nguyễn Văn Huynh	34793	2,789,000
Đồng Xuân Điệp	41381	4,024,000
Nguyễn Tiến Thảo	24723	2,789,000
Nguyễn Thị Tro	8479	1,565,000
Nguyễn Thị Coóng	15559	1,565,000
Nguyễn Thị Bé	49100	1,565,000
Trần Thị Thắm	53321	3,542,000
Nguyễn Tiến Thảo	35743	2,789,000
Nguyễn Đình Giản	8464	3,667,000
Nguyễn Xuân Thầm	35870	2,589,000
Phạm Văn Tịnh	35206	2,683,000
Phạm Huy Nhàng	33588	2,770,000
Nguyễn Đình Chúc	19058	4,622,000
Phạm Văn Ngợi	32181	4,622,000
Nguyễn Đình Hậu	31792	4,622,000
Nguyễn Tiến Lục	31758	4,622,000
Nguyễn Ngọc Lân	30952	4,622,000
Nguyễn Văn Nhu	29011	5,329,000
Nguyễn Ngọc Thai	27423	2,789,000

Nguyễn Thị Mơ	8459	2,789,000
Trương Thị Tý	7688	2,789,000
Phạm Thị Liễu	8463	1,565,000
Phạm Thị Hòa	52246	1,565,000
Đồng Thị Ngần	33171	2,120,000
Nguyễn Hữu Chức	46399	3,542,000
Nguyễn Minh Tỏ	41542	3,542,000
Nguyễn Tiến Lục	32811	3,542,000
Nguyễn Văn Nhu	32812	3,542,000
Nguyễn Văn Lai	37761	1,673,000
Nguyễn Minh Tỏ	36955	1,969,000
Nguyễn Thiên Trược	51182	1,878,000
Cao Doãn Thắng	35176	1,878,000
Đinh Văn Tung	26265	2,236,000
Nguyễn Hữu Thuân	25381	2,411,000
Nguyễn Văn Mẫn	22108	1,878,000
Nguyễn Thiện Linh	21705	1,878,000
Trần Văn Hạc	20060	3,132,000
Nguyễn Kim Cồng	18664	3,132,000
Đàm Huy Chuộng	19131	1,878,000
Phạm Văn Ba	18201	5,450,000
Nguyễn Đình Sơn	23772	2,911,000
Trần Văn Phận	902	4,622,000
Nguyễn Thiên Trược	32188	4,622,000
Đặng Xuân Nhứ	894	2,789,000
Nguyễn Văn Chúc	8468	2,789,000
Nguyễn Thị Thuế	8437	2,789,000
Nguyễn Thị Nhuần	42189	1,565,000
Nguyễn Thị Cúc	53173	3,542,000
Trần Văn Hạc	42776	3,542,000
Nguyễn Văn Mẫn	14212	1,673,000
Nguyễn Hữu Thuân	40690	1,673,000
Nguyễn Thiện Minh	39252	1,673,000
Đinh Văn Tung	36894	3,667,000
Vũ Xuân Trường	26019	2,911,000
Trần Văn Xuyến	896	2,789,000
Trần Thị Hợp	49769	2,236,000
Đinh Văn Quý	23538	2,770,000
Trần Văn Phận	23187	1,878,000
Vũ Văn Thức	25315	2,236,000
Nguyễn Thế Trương	25910	6,343,000
Trần Văn Chuốt	19136	2,911,000
Đinh Công Khảm	897	4,622,000
Nguyễn Thiên Liệu	29797	4,622,000
Trương Công Oánh	743	4,622,000

Trần Văn Diện	28500	2,789,000
Đinh Thị Gái	8480	2,789,000
Đặng Thị Lân	8478	2,789,000
Nguyễn Thị Diệp	8477	1,565,000
Đặng Thị My	33031	1,565,000
Nguyễn Thị Cảnh	52310	1,565,000
Trần Thị Bén	50059	1,565,000
Nguyễn Thị Nền	45155	1,673,000
Bùi Viết Huệ	2530	2,789,000
Nguyễn Thị Xuê	32656	1,673,000
Phạm Văn Sấn	36973	2,053,000
Vũ Văn Vương	49485	2,683,000
Phạm Văn Sơ	23742	1,969,000
Phạm Thị Liên	21634	6,436,000
Phạm Đức Nghìn	22532	9,085,000
Nguyễn Thiên Phế	16983	4,622,000
Vũ Văn Vương	30653	2,789,000
Đàm Thị Ân	8431	2,789,000
Phạm Thị Thu	7705	2,789,000
Phùng Thị Thắng	7696	2,789,000
Nguyễn Thiện Chung		3,542,000
Phạm Đức Nghìn	14333	2,789,000
Đặng Thị Phín	8475	2,770,000
Nguyễn Đức Phán	52234	3,132,000
Nguyễn Hồng Quang	52150	4,561,000
Nguyễn Văn Khanh	51075	2,411,000
Nguyễn Đức Tiếu	51073	2,236,000
Đặng Văn Hảo	51071	3,040,000
Đặng Xuân Phước	51066	1,878,000
Trần Đức Trọng	51065	1,878,000
Nguyễn Anh Tuấn	50913	2,144,000
Nguyễn Tiến Quyên	46772	2,053,000
Nguyễn Đình Soi	35213	3,132,000
Nguyễn Đức Trình	35183	2,589,000
Nguyễn Văn Khoa	33608	2,770,000
Lê Quang Luyến	33605	2,589,000
Nguyễn Doãn Minh	33597	2,862,000
Nguyễn Ngọc Thuần	25405	2,236,000
Vũ Đức Thịnh	25356	2,144,000
Nguyễn Ngọc Thiệp	25140	2,770,000
Nguyễn Văn Thanh	24906	2,236,000
Trần Văn Thạch	24792	1,878,000
Nguyễn Văn Thắp	24782	3,667,000
Nguyễn Quang Sự	24034	1,878,000
Nguyễn Quang Sản	23830	1,878,000

Nguyễn Hữu Quỳnh	23509	2,770,000
Nguyễn Tiến Nhưng	22903	1,878,000
Nguyễn Văn Ngợi	22625	2,236,000
Nguyễn Tiến Ngạc	22462	1,878,000
Nguyễn Duy Nội	22400	2,770,000
Nguyễn Quang Lâm	21390	2,770,000
Nguyễn Ngọc Lâm	21388	3,132,000
Nguyễn Ngọc Kiểm	21248	2,770,000
Phạm Văn Khoản	21120	2,770,000
Nguyễn Văn Khẩn	21055	2,770,000
Nguyễn Đình Khảm	20959	1,878,000
Nguyễn Đình Hoạt	20633	2,236,000
Nguyễn Huy Hiên	20269	1,969,000
Vũ Ngọc Hội	20210	1,878,000
Lê Quang Duyến	19664	2,770,000
Trần Công Duễ	19639	2,053,000
Nguyễn Doãn Chiều	19023	4,382,000
Nguyễn Thanh Cẩy	18784	3,667,000
Nguyễn Đức Cảnh	18607	1,878,000
Nguyễn Tiến Bình	18055	2,053,000
Trương Đình Đức	17824	2,053,000
Nguyễn Thế Đề	17724	2,862,000
Nguyễn Văn Điền	17664	1,878,000
Nguyễn Đắc Đối	17578	3,667,000
Đặng Xuân Đơ	17320	3,667,000
Đặng Anh Tú	25712	1,878,000
Nguyễn Đình Rật	23661	2,236,000
Đặng Văn Nảo	22357	1,878,000
Nguyễn Đình Khanh	21024	6,794,000
Nguyễn Đình Thừa	25280	5,450,000
Đặng Văn Xuyên	26940	2,911,000
Nguyễn Duy Cận	900	2,911,000
Đàm Huy Kiệm	893	2,911,000
Nguyễn Văn Đẳng	892	2,911,000
Nguyễn Đức Tiếu	891	2,911,000
Nguyễn Văn Nhu	742	2,911,000
Nguyễn Văn Tuyên	741	2,911,000
Bùi Đình Thụ	901	3,627,000
Đặng Văn Nhật	899	3,627,000
Nguyễn Văn Điến	898	4,622,000
Nguyễn Văn Khanh	32357	4,622,000
Nguyễn Ngọc Tháu	32147	4,622,000
Đặng Văn Hảo	31997	4,622,000
Nguyễn Trọng Kim	31791	4,622,000
Đặng Đức Chiến	31649	4,622,000

Nguyễn Văn Năng	31067	4,622,000
Đặng Xuân Phước	30806	4,622,000
Trần Văn Hải	30637	4,622,000
Nguyễn Hồng Quang	30517	4,622,000
Phạm Thế Kỷ	30411	4,622,000
Nguyễn Hữu Quỳnh	30194	4,622,000
Nguyễn Đức Phán	30035	4,622,000
Nguyễn Nghi Chỗn	29691	4,622,000
Nguyễn Tiến Viên	29632	4,622,000
Nguyễn Quang Lâm	28714	4,622,000
Nguyễn Đức Đệ	28542	4,622,000
Nguyễn Đức Cảnh	28535	4,622,000
Phạm Thế Giang	744	4,622,000
Vũ Ngọc Thoảng	30281	4,622,000
Nguyễn Trọng Toàn	29989	5,329,000
Nguyễn Thiên Thiềm	27729	5,329,000
Nguyễn Doãn Chiều	27668	5,329,000
Nguyễn Ngọc Thuần	27601	5,329,000
Nguyễn Viết Quả	27339	7,777,000
Phạm Xuân Sứ	41923	2,280,000
Đặng Văn Xuyền	14564	2,646,000
Nguyễn Văn Phạn	14561	2,577,000
Nguyễn Viết Thiệu	14560	2,789,000
Vũ Thị Nữ	42549	2,789,000
Bùi Thị Biện	33731	2,789,000
Trần Văn Thiềng	33730	2,789,000
Nguyễn Thị Đói	8482	2,789,000
Nguyễn Thị Kim	8476	2,789,000
Nguyễn Thị Huấn	8469	2,789,000
Nguyễn Thị Định	8462	2,789,000
Nguyễn Thị Tảo	8454	2,789,000
Nguyễn Thị Tịnh	8452	2,789,000
Nguyễn Thị Kiên	8449	2,789,000
Nguyễn Thị Nền	8446	2,789,000
Nguyễn Thị Tía	8445	2,789,000
Nguyễn Thị Đan	8442	2,789,000
Nguyễn Thị Thắm	8439	2,789,000
Nguyễn Thị Lanh	8436	2,789,000
Nguyễn Thị Khâm	8433	2,789,000
Phạm Thị Cẩm	7708	2,789,000
Trương Thị Đan	7707	2,789,000
Phạm Thị La	7701	2,789,000
Phạm Thị Gắn	7700	2,789,000
Phạm Văn Cao	7694	2,789,000
Nguyễn Thị Nhạn	7691	2,789,000

Phạm Thị Đáng	7687	2,789,000
Nguyễn Thị Thanh	7686	2,789,000
Nguyễn Thị Tư	7685	2,789,000
Đoàn Thị Ân	7690	5,020,000
Phạm Thị Bít	7692	2,789,000
Nguyễn Thị Kim	42406	2,789,000
Nguyễn Thị Quanh	42188	2,789,000
Nguyễn Thị Ngụ	42049	2,789,000
Nguyễn Thị Hòa	40575	2,789,000
Nguyễn Thị Thì	8471	2,789,000
Nguyễn Thị Sợi	8467	2,789,000
Nguyễn Thị Nghi	8461	2,789,000
Phùng Thị Nhung	7684	1,565,000
Nguyễn Thị Diễn	49864	1,565,000
Nguyễn Thị Thoán	52932	1,565,000
Phùng Thị Hạnh	42397	1,565,000
Đăng Thị Thuật	14937	1,565,000
Phùng Thị Dụng	46299	1,565,000
Nguyễn Thị Tánh	25369	1,565,000
Nguyễn Thị Khuê	35900	1,565,000
Trần Thị Sen	33884	1,565,000
Nguyễn Thị Sò	51063	1,565,000
Nguyễn Thị Hải	15488	1,565,000
Đồng Thị Tẹo	53320	1,565,000
Trần Thị Dã	46278	1,565,000
Nguyễn Thị Tích	49013	1,565,000
Nguyễn Tiến Hỗ	48952	2,789,000
Phạm Xuân Cường		2,120,000
Nguyễn Huy Lợi	50258	2,120,000
Dịp Xay Vồ	50150	2,120,000
Đặng Xuân Lảo	49771	2,120,000
Trần Đức Trọng	46206	2,120,000
Nguyễn Tiến Bình	45918	2,120,000
Trần Công Duễ	53171	3,542,000
Nguyễn Ngọc Thiệp	45514	3,542,000
Nguyễn Thế Thích	44797	3,542,000
Đặng Xuân Lai	41546	3,542,000
Phạm Văn Khoản	39916	3,542,000
Nguyễn Hồng Quân	37767	3,542,000
Lê Ngọc Điềm	37766	3,542,000
Nguyễn Ngọc Khen	37765	3,542,000
Nguyễn Tiến Hóa	37764	3,542,000
Nguyễn Tiến Kiệm	37763	3,542,000
Nguyễn Đắc Cứu	37762	3,542,000
Nguyễn Anh Tuấn	37760	3,542,000

Trần Văn Viết	37758	3,542,000
Nguyễn Huy Oanh	37757	3,542,000
Nguyễn Ngọc Tám	37755	3,542,000
Nguyễn Tiến Ý	37753	3,542,000
Nguyễn Xuân Găn	37752	3,542,000
Nguyễn Đình Soi	37751	3,542,000
Trần Công Hùng	37749	3,542,000
Phạm Thành Lĩnh	37701	3,542,000
Phạm Văn Nhắc	37700	3,542,000
Nguyễn Văn Huệ	33234	3,542,000
Bùi Ngọc Thống	33176	3,542,000
Đặng Xuân Duyên	33175	3,542,000
Nguyễn Ngọc Tháu	32816	3,542,000
Nguyễn Huy Hiên	32809	3,542,000
Nguyễn Văn Khẩn	32648	3,542,000
Phạm Thế Kỷ	32646	3,542,000
Trương Đình Đức	14208	4,964,000
Nguyễn Đình Ngấn	38685	4,964,000
Doãn Tiến Dũng	38673	4,964,000
Nguyễn Thế Đề	38647	4,964,000
Đặng Văn Ngọ	38646	4,964,000
Phạm Văn Thượng	38645	4,964,000
Phạm Huy Thiều	38644	1,673,000
Nguyễn Thị Liên	2529	1,673,000
Trần Công Lành	2526	1,673,000
Nguyễn Thị Dơn	2462	1,673,000
Phạm Huy Núi	3277	1,673,000
Đặng Thị Bình	2531	1,673,000
Nguyễn Thị Hải	2528	2,789,000
Phạm Thị Mây	2463	1,673,000
Nguyễn Duy Nội	41798	1,673,000
Nguyễn Ngọc Lâm	36975	1,673,000
Nguyễn Văn Đăng	36960	1,673,000
Nguyễn Hữu Tuế	36958	1,673,000
Nguyễn Duy Tỉu	36957	1,673,000
Nguyễn Thị Tường	36956	1,673,000
Nguyễn Thiên Thiềm	36893	1,673,000
Nguyễn Xuân Sự	36953	2,838,000
Nguyễn Văn Bình	34760	2,966,000
Nguyễn Thế Vết	54131	1,565,000
Bùi Thị Thuấn (tăng mới tháng 9)	47044	2,120,000
Bùi Thế Lộc	47045	2,120,000
Nguyễn Thiện Đảm	34788	2,120,000
Lê Quang Duyến	47139	2,770,000
Nguyễn Trọng Phường	47138	2,236,000

Nguyễn Doãn Bắc	47191	1,565,000
Nguyễn Thị Thu	47140	2,120,000
Nguyễn Đắc Đối	47266	2,120,000
Phạm Trung Lập	47267	1,673,000
Bùi Thị Mùa	2534	2,120,000
Nguyễn Thị Quỳnh Mai	47437	2,120,000
Phạm Thanh Chỉnh	47436	2,120,000
Nguyễn Văn Hoan	47596	2,120,000
Nguyễn Thế Võ	47597	2,120,000
Nguyễn Văn Chinh	47265	2,120,000
Đặng Văn Quyết	47780	2,120,000
Nguyễn Công Hoan	47778	2,120,000
Nguyễn Hữu Yên	47779	